Số: 122/HDTD-SYT
Thời gian ký: 2026-02-15T12:35:26+07:00

SỞ Y TẾ TỈNH GIA LAI
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
VIÊN CHỨC NGÀNH Y TẾ

PHỤ LỤC
DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VỊ TRÍ DỰ TUYỂN NGUYỆN VỌNG 1
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH Y TẾ TỈNH GIA LAI NĂM 2025

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
A		**ĐƠN VỊ TUYỂN TỈNH**														
I		**Bệnh viện 331**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:15 chỉ tiêu														
1	0710	Ksor Ji Gur	Nam	24/11/1993	Ia Tul, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng A000822	Người dân tộc thiểu số	Bệnh viện 331	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	94,5		5		**99,5**
2	1103	Nguyễn Thị Ngọc Ý	Nữ	06/9/1990	Pleiku, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng A180470	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	99,0				**99,0**
3	0680	Phan Thị Kỳ Diễm	Nữ	06/6/1992	Thống Nhất, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B208228	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	98,5				**98,5**
4	0724	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nữ	15/5/1990	Biển Hồ, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng YDC02254	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	98,5				**98,5**
5	0916	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	15/5/1990	Diên Hồng, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng A180452	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	97,0				**97,0**
6	1014	Nguyễn Thị Hoài Thương	Nữ	03/02/2002	An Bình, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng YDC00358	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	94,5				**94,5**
7	0688	Đặng Khánh Đoan	Nữ	14/10/2001	Vĩnh Thạnh, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (A.000592)	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	91,5				**91,5**
8	0839	Tạ Long	Nam	14/4/1994	Thống Nhất, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng YDC00222	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	85,0				**85,0**
9	0863	Nguyễn Thị My	Nữ	08/03/1991	Pleiku, Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng (B125593)	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	81,5				**81,5**
10	0660	Nguyễn Thị Bình	Nữ	10/10/1990	Pleiku, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng A371149	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	73,5				**73,5**
11	0738	Trần Thúy Hiền	Nữ	25/11/1997	Ia Hrung, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng TN21-CĐ0000113	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	66,5				**66,5**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
12	0872	Lê Thị Kim Nga	Nữ	01/7/1984	Pleiku, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng YDC03032	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	66,5				**66,5**
13	0830	Trần Thị Nhật Linh	Nữ	20/01/2001	Hội Phú, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng 600696	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	65,0				**65,0**
14	0668	Nguyễn Duy Chiến	Nam	24/10/1997	Pleiku, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng YDC02973	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	50,0				**50,0**
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0330	Nguyễn Dương Hải Trà	Nữ	25/10/2001	Pleiku, tỉnh Gia Lai	Dược sĩ đại học 7302610	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	86,0				**86,0**
		Cao đẳng Hộ sinh:1 chỉ tiêu														
1	0420	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	17/01/1992	Thống Nhất, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Hộ sinh B365778	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng Hộ sinh trở lên	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	67,0				**67,0**
		Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học:1 chỉ tiêu														
1	1275	Nguyễn Hoàng Yến	Nữ	15/01/2001	Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học YDS.CN.002436	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	89,0				**89,0**
		Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng:1 chỉ tiêu														
1	1276	Phạm Anh Dũng	Nam	08/8/1988	Diên Hồng, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Kỹ thuật Phục hồi chức năng YDC02900	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	69,0				**69,0**
		Đại học ngành Quan hệ quốc tế:1 chỉ tiêu														
1	1844	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	22/4/1988	Thống Nhất, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Quan hệ quốc tế 00315065	Con thương binh	Bệnh viện 331	Đại học ngành Quan hệ quốc tế	Chuyên viên	01.003	89,0		5		**94,0**
		Chuyên viên: Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính:1 chỉ tiêu														
1	1569	Trần Thị Thùy Trang	Nữ	27/8/1985	Pleiku, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kế toán 198628	Không	Bệnh viện 331	Chuyên viên: Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	Chuyên viên	01.003	61,0				**61,0**
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh:1 chỉ tiêu														
1	1586	Nguyễn Thị Quỳnh Châu	Nữ	09/7/1993	Thống Nhất, tỉnh Gia Lai	Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành Quản trị kinh doanh A0040835	Không	Bệnh viện 331	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	87,0				**87,0**
		Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học :1 chỉ tiêu														

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
1	1228	Đoàn Thị Hoài Thương	Nữ	06/9/1995	Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học 1643778	Không	Bệnh viện 331	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	97,0				**97,0**
		Đại học ngành Sinh học: 1 chỉ tiêu														
1	1209	Lê Hoàng Tiên	Nữ	26/7/1993	Pleiku, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Công nghệ sinh học 1007941	Không	Bệnh viện 331	Đại học ngành Sinh học trở lên	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	100,0				**100,0**
		Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính:2 chỉ tiêu														
1	1383	Võ Thị Hoài Thương	Nữ	02/12/2002	Ia Ly, tỉnh Gia Lai	Đại học Công nghệ thông tin QNUA/0000071	Không	Bệnh viện 331	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	55,0				**55,0**
2	1370	Trần Văn Nghênh	Nam	20/12/1979	Thống Nhất, tỉnh Gia Lai	Kỹ sư Công nghệ thông tin C795541	Không	Bệnh viện 331	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	50,0				**50,0**
		Đại học ngành Điều dưỡng:12 chỉ tiêu														
1	0539	Nguyễn Thị Thanh Nga	Nữ	06/12/1993	Biển Hồ, tỉnh Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng 1235294	Con thương binh	Bệnh viện 331	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	89,5		5		**94,5**
2	0579	Nguyễn Thị Kim Phụng	Nữ	08/9/1994	Diên Hồng, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng 17101586	Không	Bệnh viện 331	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	71,0				**71,0**
3	0565	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	07/10/1997	Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng 1789503	Không	Bệnh viện 331	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	64,5				**64,5**
4	0540	Nguyễn Phương Ngân	Nữ	20/3/1992	Pleiku, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng 002224	Không	Bệnh viện 331	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	62,0				**62,0**
5	0503	Nguyễn Thị Xuân Hương	Nữ	30/9/1989	Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng TVU.1025399	Không	Bệnh viện 331	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	60,5				**60,5**
6	0497	Trần Thị Ái Huê	Nữ	04/3/1994	Pleiku, tỉnh Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng 17101577	Không	Bệnh viện 331	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	54,0				**54,0**
7	0572	Lê Thị Vân Oanh	Nữ	12/6/1994	Thống Nhất, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng 1296509	Không	Bệnh viện 331	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	50,0				**50,0**
		Kế toán viên (hạng III): Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính:2 chỉ tiêu														
1	1489	Lương Thị Thắm	Nữ	28/4/1992	An Phú, tỉnh Gia Lai	Cử nhân kế toán 829976	Con thương binh	Bệnh viện 331	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	56,5		5		**61,5**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
		Văn thư viên trung cấp: 1 chỉ tiêu														
1	1338	Rmah H' Trang	Nữ	30/11/2000	Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Quản trị nhân lực HCH.6.001234	Người dân tộc thiểu số	Bệnh viện 331	Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin.	Văn thư viên trung cấp	02.008	96,5		5		**101,5**
II		**Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Pleiku**														
		Đại học ngành Điều dưỡng:2 chỉ tiêu														
1	0634	Bùi Thị Ánh Tuyết	Nữ	01/02/2003	Thống Nhất, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng CN001750	Không	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Pleiku	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	57,5				**57,5**
III		**Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:3 chỉ tiêu														
1	0718	Nguyễn Thị Thuý Hằng	Nữ	06/01/1993	Quy Nhơn Tây, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (B401172)	Không	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	99,5				**99,5**
2	0841	Phan Thị Ngọc Luyến	Nữ	11/3/1990	Quy Nhơn Bắc, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (000292)	Không	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	98,5				**98,5**
3	0943	Nguyễn Thị Quế	Nữ	10/06/1999	Bồng Sơn, Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng (000452)	Con thương binh	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	77,5		5		**82,5**
		Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng:1 chỉ tiêu														
1	1281	Trần Mỹ Kim	Nữ	10/11/2002	Quy Nhơn, Gia Lai	Cao đẳng kỹ thuật y phục hồi chức năng (PNTA00160)	Không	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	64,5				**64,5**
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh:1 chỉ tiêu														
1	1618	Nguyễn Thị Gia Hân	Nữ	25/9/1998	Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật 004738	Không	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	90,0				**90,0**
		Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học:1 chỉ tiêu														
1	1219	Nguyễn Thị Cẩm Lộc	Nữ	21/06/2001	Thành Sen, Hà Tĩnh	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học (E0037579)	Không	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	80,5				**80,5**
		Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính:1 chỉ tiêu														
1	1368	Phan Anh Minh	Nam	24/12/2002	M' Đrắk, Đắk Lắk	Đại học Công nghệ thông tin (0003281)	Không	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	52,0				**52,0**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
IV		**Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku**														
		Thạc sĩ ngành Tài chính ngân hàng:1 chỉ tiêu														
1	1567	Phan Thị Anh Thu	Nữ	15/3/1988	Pleiku, tỉnh Gia Lai	Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng 0004981	Không	Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku	Thạc sĩ ngành Tài chính ngân hàng	Chuyên viên	01.003	87,0				**87,0**
		Đại học ngành Điều dưỡng:5 chỉ tiêu														
1	0530	Nguyễn Thị Khánh Ly	Nữ	01/6/2003	Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai	Đại học ngành điều dưỡng (CN001609)	Không	Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	87,0				**87,0**
2	0532	Nguyễn Hoài Như Mai	Nữ	26/3/1997	Kdang, tỉnh Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng TDU1002991	Không	Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	82,0				**82,0**
3	0620	Phạm Thị Tình	Nữ	25/5/1989	Pleiku, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng TDU.100875	Không	Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	80,5				**80,5**
4	0616	Trần Thị Thúy	Nữ	23/5/1988	Hội Phú, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng TVU031518	Không	Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	71,0				**71,0**
5	0424	Hoàng Thị Bình	Nữ	13/01/1990	Diên Hồng, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng TDU1000981	Không	Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	62,0				**62,0**
		Văn thư viên: 1 chỉ tiêu														
1	1296	Nguyễn Ngọc Thái Giao	Nữ	14/8/1989	Diên Hồng, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật DND.6.0120396	Không	Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku	Đại học ngành hoặc chuyên ngành văn thư - lưu trữ, lưu trữ học, lưu trữ học và quản trị văn phòng.	Văn thư viên	02.007	99,0				**99,0**
V		**Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:2 chỉ tiêu														
1	0800	Lê Ngọc Khánh	Nam	11/4/1994	Canh Vinh, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (B639948)	Người dân tộc thiểu số	Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	97,0		5		**102,0**
2	0665	Lang Sơn Ca	Nam	14/08/1991	Canh Vinh, Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng (B136332)	Không	Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	100,0				**100,0**
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính:1 chỉ tiêu														
1	1522	Nguyễn Thị Vang	Nữ	10/08/1999	Quy Nhơn, Gia Lai	Cử nhân Kế toán tổng hợp (số hiệu: A.0003650)	Không	Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	90,0				**90,0**
		Văn thư viên: 1 chỉ tiêu														

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
1	1305	Đặng Thị Phú	Nữ	06/12/1986	Quy Nhơn, Gia Lai	Cử nhân sư phạm tin học (53190)	Không	Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn	Đại học ngành hoặc chuyên ngành văn thư - lưu trữ, lưu trữ học, lưu trữ học và quản trị văn phòng.	Văn thư viên	02.007	100,0				**100,0**
VI		**Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku**														
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh:1 chỉ tiêu														
1	1755	Mai Thị Quỳnh Như	Nữ	26/10/2001	Diên Hồng, tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Luật MBS60015907	Không	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	86,0				**86,0**
		Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng:3 chỉ tiêu														
1	1211	Hồ Thị Hằng	Nữ	25/4/1999	Ia Ko, tỉnh Gia Lai	Đại học Kỹ thuật Phục hồi chức năng (001184)	Không	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	93,0				**93,0**
		Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính:1 chỉ tiêu														
1	1375	Nghiêm Thanh Sơn	Nam	25/8/1984	An Phú, tỉnh Gia Lai	Đại học Công nghệ thông tin A0129333	Không	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	70,0				**70,0**
		Đại học ngành Điều dưỡng:9 chỉ tiêu														
1	0506	Nguyễn Thị Hường	Nữ	07/11/1990	Kbang, tỉnh Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng TVU.031477	Không	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	90,5				**90,5**
2	0527	Nay H' Lơn	Nữ	21/6/1999	Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng M0000999	Người dân tộc thiểu số	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	50,0		5		**55,0**
3	0612	Lý Thị Kim Thương	Nữ	06/02/1984	Pleiku, tỉnh Gia Lai	- Thạc sĩ Điều dưỡng 27/ThSĐD/2017 - Cử nhân Điều dưỡng (A0213031)	Không	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	50,0				**50,0**
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính:1 chỉ tiêu														
1	1504	Lê Thị Hoài Thương	Nữ	24/10/1992	Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kế toán 830132	Không	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	95,0				**95,0**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
VII		**Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn**														
		Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng:1 chỉ tiêu														
1	1282	Võ Thành Long	Nam	28/9/2004	Ân Hảo, Gia Lai	Cao đẳng Phục hồi chức năng (YDC00687)	Không	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	97,0				**97,0**
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh:1 chỉ tiêu														
1	1602	Nguyễn Thị Kim Diệm	Nữ	12/12/1992	Phù Mỹ, Gia Lai	Đại học hành chính (119205)	Không	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	90,0				**90,0**
		Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng:2 chỉ tiêu														
1	1216	Lê Thuỳ Trân	Nữ	02/8/2003	An Khê, Gia Lai	Cử nhân kỹ thuật phục hồi chức năng (YDS.CN.004222	Không	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	96,5				**96,5**
VIII		**Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai**														
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh:1 chỉ tiêu														
1	1790	Man Thị Bích Thảo	Nữ	13/02/1992	Vĩnh Thạnh, Gia Lai	Cử nhân Quản lý nhà nước (DND.6.0173370)	Không	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	88,0				**88,0**
IX		**Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai**														
		Biên tập viên hạng III (Đại học ngành Báo chí, xuất bản): 1 chỉ tiêu														
1	1556	Lê Thị Quế	Nữ	26/9/1991	Diên Hồng, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Báo chí E0041548	Không	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Báo chí, xuất bản.	Biên tập viên hạng III	V.11.01.03	57,0				**57,0**
		Đại học ngành Dinh dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	1287	Nguyễn Thị Xuân Trâm	Nữ	13/2/2003	Bình Kiến, Đắk Lắk	Đai học dinh dưỡng (PNTU.CN/001270)	Không	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dinh dưỡng	Dinh dưỡng hạng III	V.08.09.25	56,0				**56,0**
		Đại học ngành Y tế công cộng :1 chỉ tiêu														
1	1535	Lê Huyền Nhung	Nữ	21/4/2000	Thống Nhất, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Y tế công cộng 001533	Không	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	53,0				**53,0**
		Phóng viên hạng III (Đại học ngành Báo chí): 1 chỉ tiêu														
1	1558	Nguyễn Bích Thảo	Nữ	06/02/1999	Diên Hồng, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Báo chí DND.6.0141495	Không	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Báo chí.	Phóng viên hạng III	V.11.02.06	88,0				**88,0**
X		**Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn**														

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	0848	Trang Thị Lý	Nữ	01/01/1991	Hoài Nhơn Tây, Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng (B136306)	Con thương binh	Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	98,0		5		**103,0**
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0085	Phan Thị Kim Hiền	Nữ	16/12/1993	Hoài Nhơn Đông, Gia Lai	Cao đẳng ngành dược (B208865)	Không	Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	91,5				**91,5**
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh:1 chỉ tiêu														
1	1835	Phạm Lương Tường Vi	Nữ	30/10/1997	Hoài Nhơn Tây, Gia Lai	Cử nhân luật kinh tế (1742852)	Không	Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	84,0				**84,0**
2		**TRUNG TÂM Y TẾ**														
I		**Trung tâm Y tế An Khê**														
		Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học:1 chỉ tiêu														
1	1274	Đặng Nhật Tiến	Nam	14/6/1997	An Khê, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học B934722	Không	Trung tâm Y tế An Khê	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	97,0				**97,0**
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh:1 chỉ tiêu														
1	1804	Võ Thị Thanh Thu	Nữ	20/10/1995	An Khê, tỉnh Gia Lai	Đại học Quản lý nhà nước (SH:0001290)	Không	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	85,5				**85,5**
		Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học:2 chỉ tiêu														
1	1195	Hà Thị Kiều Trinh	Nữ	10/3/1997	An Bình, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học E0024553	Không	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	100,0				**100,0**
2	1188	Hồ Thị Thanh Thủy	Nữ	22/4/1999	An Khê, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học CN02013	Không	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	98,0				**98,0**
		Đại học ngành Điều dưỡng:18 chỉ tiêu														
1	0581	Đỗ Xuân Phương	Nữ	10/4/2003	Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng (DHH.6.C.0005555)	Không	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	92,0				**92,0**
2	0600	Nguyễn Thị Kim Thắm	Nữ	20/9/1994	An Bình, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng 0000839	Không	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	67,0				**67,0**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
3	0601	Nguyễn Thị Thanh Thắm	Nữ	04/4/1999	An Khê, tỉnh Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng 001357	Không	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	64,0				**64,0**
4	0488	Đoàn Thị Tuyết Hồng	Nữ	12/01/1996	An Khê, Gia Lai	Đại học Điều dưỡng (000600)	Không	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	62,0				**62,0**
5	0533	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Nữ	15/10/2003	An Khê, Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng (A0005242)	Không	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	55,5				**55,5**
6	0528	Đào Hồng Luận	Nam	20/01/1996	An Khê, tỉnh Gia Lai	Đại học Điều dưỡng 000567	Không	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	51,0				**51,0**
		Cao đẳng chuyên ngành Dân số - Y tế: 2 chỉ tiêu														
1	1294	Vũ Lan Vi	Nữ	19/3/1997	An Bình, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Y tế công cộng E0148501	Không	Trung tâm Y tế An Khê	Cao đẳng ngành Dân số - Y tế. Hoặc Cao đẳng ngành Điều dưỡng có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	100,0				**100,0**
2	1290	Nguyễn Thị Út Hằng	Nữ	06/5/1992	An Khê, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng A555434	Không	Trung tâm Y tế An Khê	Cao đẳng ngành Dân số - Y tế. Hoặc Cao đẳng ngành Điều dưỡng có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	99,5				**99,5**
II		**Trung tâm y tế An Nhơn**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	0819	Bùi Thị Mỹ Lệ	Nữ	20/11/1997	An Nhơn, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (B.1025806)	Không	Trung tâm y tế An Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	100,0				**100,0**
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0096	Đặng Thị Hoà	Nữ	01/03/1994	Bắc Gia Nghĩa, Lâm Đồng	Đại học Dược (001665)	Không	Trung tâm y tế An Nhơn	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	82,5				**82,5**
		Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học:2 chỉ tiêu														
1	1254	Hồ Anh Thư	Nữ	11/03/1999	Vân Canh, Gia Lai	Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học (000477)	Không	Trung tâm y tế An Nhơn	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	100,0				**100,0**
2	1240	Nguyễn Thị Nghiệp	Nữ	27/9/1994	Tam Quan, Gia Lai	Cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm (A000748)	Không	Trung tâm y tế An Nhơn	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	99,5	99,5			**99,5**
		Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học :3 chỉ tiêu														

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
1	1127	Nguyễn Thị Út Đào	Nữ	20/12/1992	Quy Nhơn Nam, Gia Lai	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học (BA04065)	Không	Trung tâm y tế An Nhơn	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	100,0				**100,0**
2	1169	Nguyễn Thị Kim Nhân	Nữ	07/8/1994	Ân Hảo, Gia Lai	Cử nhân xét nghiệm y học (CN02076)	Không	Trung tâm y tế An Nhơn	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	100,0				**100,0**
3	1174	Võ Thị Tố Như	Nữ	30/10/1995	Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai	Đại học ngành xét nghiệm y học (1643738)	Không	Trung tâm y tế An Nhơn	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	100,0				**100,0**
		Đại học ngành Điều dưỡng:4 chỉ tiêu														
1	0622	Phạm Thị Nhân Trân	Nữ	17/7/1993	Tuy Phước, Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng (0001446)	Không	Trung tâm y tế An Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	96,0				**96,0**
2	0640	Trần Thị Thảo Vy	Nữ	12/05/2003	Vĩnh Thạnh, Gia Lai	Đại học Điều dưỡng (CN001654)	Không	Trung tâm y tế An Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	94,5				**94,5**
3	0439	Phan Thị Định	Nữ	21/9/1994	An Nhơn, Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng (TVU.1.040039)	Không	Trung tâm y tế An Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	84,0				**84,0**
4	0561	Đặng Thị Hồng Nhung	Nữ	08/05/1997	Hoài Ân, Gia Lai	Đại học Điều dưỡng (1763800)	Không	Trung tâm y tế An Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	81,5				**81,5**
		Đại học ngành Y tế công cộng :2 chỉ tiêu														
1	1536	Nguyễn Thanh Phương	Nữ	27/11/2001	Quy Nhơn Bắc, Gia Lai	Cử nhân y tế công cộng (YDS.CN.002030)	Không	Trung tâm y tế An Nhơn	Đại học ngành Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	67,0				**67,0**
2	1531	Bùi Thị Ngọc Hà	Nữ	05/5/1995	Phú Nhuận, Hồ Chí Minh	Đại học Y tế công cộng (1576996)	Không	Trung tâm y tế An Nhơn	Đại học ngành Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	47,0	58,0			**58,0**
III		**Trung tâm y tế Ayun Pa**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:3 chỉ tiêu														
1	0827	Nay H' Lin	Nữ	06/7/1996	Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng YDC00264	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ayun Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	84,0		5		**89,0**
2	0860	Huỳnh Thị Diễm My	Nữ	07/4/1995	Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B738090	Không	Trung tâm y tế Ayun Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	88,0				**88,0**
3	0711	Ksor H' Ha	Nữ	21/01/2004	Ia Rbol, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng 600949	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ayun Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	82,5		5		**87,5**
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh:3 chỉ tiêu														

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
1	1839	Rmah H' Vui	Nữ	12/11/1991	Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật 1432160	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	78,0		5		**83,0**
2	1661	Huỳnh Diệu Hương	Nữ	22/5/1998	Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Quản lý nhà nước DND.6.0125629	Không	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	82,0				**82,0**
3	1720	Nay H' Mua	Nữ	10/02/1998	Phú Túc, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Quản lý nhà nước A0003341	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	74,0		5		**79,0**
		Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học:2 chỉ tiêu														
1	1218	Nay Guang	Nam	30/8/1998	Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học 001141	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	78,5		5		**83,5**
		Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học:4 chỉ tiêu														
1	1199	Nay Tuế	Nam	30/4/2002	Ia Tul, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học DHY.6.1201.25	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	98,0		5		**103,0**
2	1131	Lê Ksor Đức	Nam	12/8/1996	Ia Tul, tỉnh Gia Lai	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học 1712910	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	95,0		5		**100,0**
3	1138	Ngô Thị Thu Hà	Nữ	19/12/2001	Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học TTN.CN.003149	Không	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	99,0				**99,0**
4	1164	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Nữ	07/5/1991	Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học TTN.CN.005828	Không	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	99,0				**99,0**
		Đại học ngành Điều dưỡng:59 chỉ tiêu														
1	0633	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Nữ	20/8/2000	Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng E0021912	Không	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	94,5				**94,5**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
2	0638	Ksor H' Uynh	Nữ	13/9/2002	Ia Hiao, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng DND.6.0184162	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	72,5		5		**77,5**
3	0619	Lê Thị Mỹ Tình	Nữ	28/8/1998	Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng 7101515	Không	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	61,0				**61,0**
4	0441	Nguyễn Thị Dung	Nữ	21/02/1994	Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Đại học Điều dưỡng 1455878	Không	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	59,5				**59,5**
5	0588	Rcom H' Pu	Nữ	12/10/1998	Ia Pa, tỉnh Gia Lai	Đại học Điều dưỡng 001366	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	53,5		5		**58,5**
6	0487	Siu Hon	Nam	20/10/1997	Ia Hiao, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng TDU.1000817	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	52,0		5		**57,0**
7	0491	Nay Ly Hồng	Nữ	19/10/2001	Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Đại học Điều dưỡng đa khoa (số hiệu: CN000652)	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	52,0		5		**57,0**
8	0460	Nay H'Bình	Nữ	28/7/2003	Ia Tul, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng A0005215	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	50,0		5		**55,0**
9	0538	Ra Lan H' Bé Net	Nữ	29/01/2002	Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng CN001013	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	50,0		5		**55,0**
10	0566	Ksor H' Nhúy	Nữ	28/02/2001	Ia Pa, tỉnh Gia Lai	Đại học Điều dưỡng CN000713	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	50,0		5		**55,0**
11	0614	Ksor H' Thúy	Nữ	27/7/1995	Ia Hiao, tỉnh Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng 1737913	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	50,0		5		**55,0**
12	0555	Đoàn Thảo Như	Nữ	06/7/1999	Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng 000846	Không	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	54,5				**54,5**
13	0625	Đỗ Thị Huyền Trang	Nữ	19/5/1999	Ia Hiao, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng 7103810	Không	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	52,0				**52,0**
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính:1 chỉ tiêu														
1	1519	Ung Thị Cẩm Tú	Nữ	16/6/1993	Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng 000507	Không	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	52,5				**52,5**
		Đại học ngành Kỹ thuật y sinh:1 chỉ tiêu														

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
1	1548	Dương Thành Tùng	Nam	05/7/1985	Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Đại học ngành kỹ thuật y sinh (số hiệu: TC004941)	Không	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học ngành Kỹ thuật y sinh	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	75,0				**75,0**
IV		**Trung tâm y tế Chư Păh**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:12 chỉ tiêu														
1	0816	Lanh	Nữ	30/5/1996	Ia Khươl, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng A000027	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Chư Păh	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	91,0		5		**96,0**
2	0815	Võ Thị Mỹ Lan	Nữ	20/10/1993	Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B640000	Không	Trung tâm y tế Chư Păh	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	92,0				**92,0**
3	1052	Rơ Châm Trinh	Nữ	02/9/2002	Ia Phí, tỉnh Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng A003898	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Chư Păh	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	72,5		5		**77,5**
4	0684	Rơ Châm Điệp	Nữ	05/7/2000	IaLy, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng A0004461	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Chư Păh	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	71,5		5		**76,5**
5	0904	Nay H' Nhi	Nữ	01/10/1994	Ia Rbol, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B688915	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Chư Păh	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	70,0		5		**75,0**
6	0864	Bùi Thị Na	Nữ	06/6/1994	Trương Quang Trạng, tỉnh Quảng Ngãi	Cao đẳng điều dưỡng B597333	Không	Trung tâm y tế Chư Păh	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	74,5				**74,5**
7	0866	Rơ Châm Lê Na	Nữ	09/6/2002	Ia Phí, tỉnh Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng A0004463	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Chư Păh	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	69,5		5		**74,5**
8	0686	Nguyễn Thị Xuân Diệu	Nữ	23/7/1998	An Lão, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (000395)	Không	Trung tâm y tế Chư Păh	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	68,5				**68,5**
9	0868	Rmah H' Náp	Nữ	6/10/1998	Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B1102728	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Chư Păh	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	63,0		5		**68,0**
10	0672	Rơ Châm Chủyh	Nữ	09/11/1995	Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng B688757	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Chư Păh	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	60,0		5		**65,0**
11	1003	Hồ Thị Hương Thơm	Nữ	05/7/2002	Ia Phí, tỉnh Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng A0004554	Không	Trung tâm y tế Chư Păh	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	60,0				**60,0**
		Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng:1 chỉ tiêu														
1	1286	Vũ Quốc Văn	Nam	01/7/1989	Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Kỹ thuật Phục hồi chức năng YDC02926	Không	Trung tâm y tế Chư Păh	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	61,0				**61,0**
		Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học:1 chỉ tiêu														

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
1	1229	Nguyễn Mạnh Tuấn	Nam	02/4/2001	Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học DNC/Cn.001195	Không	Trung tâm y tế Chư Păh	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	76,5				**76,5**
V		**Trung tâm y tế Chư Prông**														
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0058	Hoàng Thị Én	Nữ	24/02/1991	Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng danh hiệu cử nhân thực hành Dược A181189	Không	Trung tâm y tế Chư Prông	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	51,0				**51,0**
		Cao đẳng Hộ sinh:1 chỉ tiêu														
1	0413	Lê Thị Hoài	Nữ	12/9/1995	Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng hộ sinh B874257	Không	Trung tâm y tế Chư Prông	Cao đẳng Hộ sinh trở lên	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	62,5				**62,5**
		Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học:1 chỉ tiêu														
1	1264	Hoàng Đình Đức	Nam	30/7/1993	Chư Prông tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học 004831	Không	Trung tâm y tế Chư Prông	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	95,0				**95,0**
		Đại học ngành Công tác xã hội, xã hội học:1 chỉ tiêu														
1	1888	Rơ Châm H' Xuyên	Nữ	20/11/1999	Ia Krêl, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Công tác xã hội HPN.01744	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Chư Prông	Đại học ngành Công tác xã hội, xã hội học	Công tác xã hội viên	V.09.04.02	85,0		5		**90,0**
		Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính:2 chỉ tiêu														
1	1344	Huỳnh Ngọc Anh	Nam	15/01/1997	Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Công nghệ thông tin (số hiệu: A0001883)	Không	Trung tâm y tế Chư Prông	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	67,0				**67,0**
		Văn thư viên trung cấp: 1 chỉ tiêu														
1	1337	Hà Thị Thu Trang	Nữ	22/10/1992	Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Đại học Luật E0034491	Không	Trung tâm y tế Chư Prông	Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin.	Văn thư viên trung cấp	02.008	98,0				**98,0**
VI		**Trung tâm y tế Chư Pưh**														
		Chuyên viên (Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính):1 chỉ tiêu														
1	1568	Trần Thị Thùy	Nữ	13/12/1997	Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Đại học Kế toán 000373	Không	Trung tâm y tế Chư Pưh	Chuyên viên: Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	Chuyên viên	01.003	85,0				**85,0**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh:2 chỉ tiêu														
1	1673	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	29/4/2001	Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật BS.UL.B.0011071	Không	Trung tâm y tế Chư Pưh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	83,0				**83,0**
		Văn thư viên: 1 chỉ tiêu														
1	1302	Nguyễn Thị Ly	Nữ	12/9/1989	Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	Đại học Quản trị Văn phòng TVU.1.046197	Không	Trung tâm y tế Chư Pưh	Đại học ngành hoặc chuyên ngành văn thư - lưu trữ, lưu trữ học, lưu trữ học và quản trị văn phòng.	Văn thư viên	02.007	94,0				**94,0**
VII		**Trung tâm y tế Chư Sê**														
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh:1 chỉ tiêu														
1	1572	Đinh Thị Châu Anh	Nữ	20/01/1996	Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Đại học Quản lý nhà nước 299377	Không	Trung tâm y tế Chư Sê	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	71,5				**71,5**
		Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học:2 chỉ tiêu														
1	1201	Rơ Mah Uyên	Nữ	12/10/1999	Diên Hồng, tỉnh Gia Lai	Cử nhân ngành kỹ thuật xét nghiệm y học 002227	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Chư Sê	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	99,5		5		**104,5**
2	1155	Ksor H' Lành	Nữ	24/8/1999	Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học 001311	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Chư Sê	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	98,0		5		**103,0**
		Đại học ngành Điều dưỡng:22 chỉ tiêu														
1	0524	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	15/02/1999	Ia Ko, tỉnh Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng E0011561	Không	Trung tâm y tế Chư Sê	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	50,0				**50,0**
		Văn thư viên trung cấp: 1 chỉ tiêu														
1	1329	Võ Thị Mai Sương	Nữ	05/01/1991	Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Quản trị văn phòng (A216454)	Không	Trung tâm y tế Chư Sê	Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin.	Văn thư viên trung cấp	02.008	100,0				**100,0**
VIII		**Trung tâm y tế Đak Đoa**														
		Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng:1 chỉ tiêu														

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
1	1283	Lê Khánh Phát	Nam	15/10/1994	Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Kỹ thuật Phục hồi chức năng YDC02912	Không	Trung tâm y tế Đak Đoa	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	90,0				**90,0**
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh:1 chỉ tiêu														
1	1594	Vũ Huy Cường	Nam	16/11/1994	Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật 1705419	Không	Trung tâm y tế Đak Đoa	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	86,0				**86,0**
		Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học:1 chỉ tiêu														
1	1152	Khoang	Nữ	02/9/1998	Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học 001368	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Đak Đoa	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	100,0		5		**105,0**
		Đại học ngành Điều dưỡng:26 chỉ tiêu														
1	0443	Trương Thị Dung	Nữ	11/11/1990	Kong Gang, tỉnh Gia Lai	Đại học điều dưỡng 0002099	Không	Trung tâm y tế Đak Đoa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	97,5				**97,5**
2	0444	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nữ	30/10/1993	Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng TDU.1005718	Không	Trung tâm y tế Đak Đoa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	93,0				**93,0**
3	0438	Phạm Thị Dinh	Nữ	10/3/1993	Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng 1267286	Không	Trung tâm y tế Đak Đoa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	80,0				**80,0**
4	0535	Lê Thị Diệu My	Nữ	26/7/1995	Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng 1424186	Không	Trung tâm y tế Đak Đoa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	50,0				**50,0**
		Đại học ngành Y tế công cộng:2 chỉ tiêu														
1	1534	Nguyễn Thị Kiều My	Nữ	04/6/1996	Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Y tế công cộng 1804369	Không	Trung tâm y tế Đak Đoa	Đại học ngành Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	71,0				**71,0**
		Cao đẳng thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Thiết bị y tế, Kỹ thuật thiết bị y tế, Trang thiết bị y tế:1 chỉ tiêu														
1	1551	Nguyễn Văn Vũ	Nam	03/4/1985	Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Kỹ thuật Thiết bị điện tử y tế 0265	Không	Trung tâm y tế Đak Đoa	Cao đẳng thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Thiết bị y tế, Kỹ thuật thiết bị y tế, Trang thiết bị y tế	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	86,0				**86,0**
		Văn thư viên trung cấp :1 chỉ tiêu														

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
1	1323	Đinh Thị Thu Hương	Nữ	21/02/1983	Bờ Ngoong, tỉnh Gia Lai	Trung cấp văn thư hành chính 002793	Không	Trung tâm y tế Đak Đoa	Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin.	Văn thư viên trung cấp	02.008	94,0				**94,0**
IX		**Trung tâm y tế Đak Pơ**														
		Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin:1 chỉ tiêu														
1	1398	Phạm Ngọc Tuấn Long	Nam	24/10/1986	An Bình, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Công nghệ thông tin 00096411	Không	Trung tâm y tế Đak Pơ	Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng IV	V.11.06.15	65,5				**65,5**
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0326	Đặng Võ Bảo Tiên	Nữ	08/02/1997	An Khê, Gia Lai	Đại học dược (D0001011)	Không	Trung tâm y tế Đak Pơ	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	84,5				**84,5**
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh:2 chỉ tiêu														
1	1619	Đinh Hận	Nam	10/6/1997	Vĩnh Thịnh, Gia Lai	Đại học quản lý nhà nước (QNUA/0000778)	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Đak Pơ	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	59,0		5		**64,0**
2	1635	Trần Thị Thu Hiền	Nữ	07/12/1985	Đak Pơ, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật kinh tế 1043352	Không	Trung tâm y tế Đak Pơ	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	63,0				**63,0**
		Đại học ngành Công tác xã hội, xã hội học:1 chỉ tiêu														
1	1853	Hà Nguyễn Mỹ Hằng	Nữ	07/9/1998	Phú Túc, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Công tác xã hội E0002995	Không	Trung tâm y tế Đak Pơ	Đại học ngành Công tác xã hội, xã hội học	Công tác xã hội viên	V.09.04.02	87,0				**87,0**
		Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học:2 chỉ tiêu														
1	1123	Trịnh Thu Ánh	Nữ	14/04/2001	Sơn Lang, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Xét nghiệm y học (số hiệu: 100094)	Không	Trung tâm y tế Đak Pơ	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	81,0				**81,0**
		Đại học ngành Điều dưỡng:11 chỉ tiêu														
1	0577	Đinh Thị Phẳng	Nữ	16/11/2001	Đak Pơ, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng E0041733	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Đak Pơ	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	50,0		5		**55,0**
2	0521	Nguyễn Thị Bích Liên	Nữ	02/10/1997	An Bình, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng 1700110	Không	Trung tâm y tế Đak Pơ	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	51,0				**51,0**
X		**Trung tâm y tế Đức Cơ**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:15 chỉ tiêu														

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
1	0663	Kpuih Búc	Nữ	'27/02/2001	Ia Krêl, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng YDA00471	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Đức Cơ	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	97,5		5		**102,5**
2	0954	Rơ Mah H' Rim	Nữ	08/7/2001	Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng 600694	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Đức Cơ	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	85,0		5		**90,0**
3	0657	Rơ Mah H' Bích	Nữ	13/6/2001	Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng A000763	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Đức Cơ	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	63,0		5		**68,0**
4	1027	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Nữ	26/11/2003	Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng YHN4004724	Không	Trung tâm y tế Đức Cơ	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	67,0				**67,0**
5	0952	Rơ Mah H' Ri	Nữ	30/11/2000	Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng YDA000503	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Đức Cơ	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	61,5		5		**66,5**
6	0874	Vũ Thị Nga	Nữ	12/01/1993	Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng (B639956)	Không	Trung tâm y tế Đức Cơ	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	64,5				**64,5**
7	0685	Rơ Lan H' Điệp	Nữ	12/9/2001	Ia Pnôn, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng A190805	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Đức Cơ	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	55,0		5		**60,0**
		Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học:3 chỉ tiêu														
1	1251	Nguyễn Thị Tâm	Nữ	26/4/1993	Ia Pa, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học B497029	Không	Trung tâm y tế Đức Cơ	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	99,5				**99,5**
2	1259	Nguyễn Thị Tiên	Nữ	10/10/1996	Lơ Pang, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học B934678	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Đức Cơ	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	94,5		5		**99,5**
3	1257	Lê Thị Thanh Thủy	Nữ	04/12/1994	Thống Nhất, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng xét nghiệm y học (B496974)	Không	Trung tâm y tế Đức Cơ	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	99,0				**99,0**
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh:4 chỉ tiêu														
1	1655	Nguyễn Thị Thu Hồng	Nữ	28/02/1995	Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật DND60120047	Không	Trung tâm y tế Đức Cơ	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	75,0				**75,0**
2	1819	Kpuih Hà Trinh	Nữ	13/01/1996	Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật E0034510	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Đức Cơ	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	68,0		5		**73,0**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
3	1700	Đỗ Thị Thùy Linh	Nữ	20/9/1999	Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật 30016029	Không	Trung tâm y tế Đức Cơ	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	64,0				**64,0**
4	1710	Trần Thị Loan	Nữ	07/10/1994	Ia Hrung, tỉnh Gia Lai	Cử nhân chuyên ngành Luật kinh tế DND6.0104698	Không	Trung tâm y tế Đức Cơ	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	64,0				**64,0**
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính:4 chỉ tiêu														
1	1478	Hồ Thị Quý	Nữ	15/02/1987	Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Đại học Kế toán VHVL/2024/02/0252	Không	Trung tâm y tế Đức Cơ	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	99,5				**99,5**
XI		**Trung tâm y tế Hoài Ân**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:4 chỉ tiêu														
1	0919	Đặng Thị Ni	Nữ	10/01/1990	Hoài Nhơn Nam, Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng (A186206)	Không	Trung tâm y tế Hoài Ân	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	100,0				**100,0**
2	0948	Nguyễn Thị Út Quyên	Nữ	06/12/1991	Hoài Ân, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (A555401)	Không	Trung tâm y tế Hoài Ân	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	100,0				**100,0**
3	0813	Trương Thị Lắm	Nữ	08/3/1994	Hoài Nhơn, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (B640040)	Không	Trung tâm y tế Hoài Ân	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	99,5				**99,5**
4	1094	Nguyễn Thanh Vương	Nam	28/6/1994	Ân Hảo, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (LT003094)	Không	Trung tâm y tế Hoài Ân	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	95,5				**95,5**
		Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng:1 chỉ tiêu														
1	1277	Trần Văn Duy	Nam	16/11/2001	Hoài Ân, Gia Lai	Cao đẳng kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng (F.22/1631 YDP)	Không	Trung tâm y tế Hoài Ân	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	89,0				**89,0**
		Đại học ngành Công tác xã hội, xã hội học:1 chỉ tiêu														
1	1876	Nguyễn Trung Quân	Nam	07/02/1989	An Lão, Gia Lai	Đại học công tác xã hội (E0064186)	Con thương binh	Trung tâm y tế Hoài Ân	Đại học ngành Công tác xã hội, xã hội học	Công tác xã hội viên	V.09.04.02	87,0		5		**92,0**
		Đại học ngành Kỹ thuật phần mềm:1 chỉ tiêu														

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
1	1360	Nguyễn Trung Hùng	Nam	06/9/2003	Hoài Ân, Gia Lai	Cử nhân Công nghệ phần mềm (7121870)	Không	Trung tâm y tế Hoài Ân	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	51,0				**51,0**
		Cao đẳng thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Thiết bị y tế, Kỹ thuật thiết bị y tế, Trang thiết bị y tế:1 chỉ tiêu														
1	1549	Nguyễn Ngọc Dũng	Nam	15/4/1989	Vạn Đức, Gia Lai	Kỹ sư công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (283414)	Không	Trung tâm y tế Hoài Ân	Cao đẳng thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Thiết bị y tế, Kỹ thuật thiết bị y tế, Trang thiết bị y tế	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	78,0				**78,0**
		Văn thư viên trung cấp :1 chỉ tiêu														
1	1339	Đặng Thị Tuyết	Nữ	18/09/1994	Hoài Ân, Gia Lai	Đại học Quản trị Kinh doanh (1021254)	Không	Trung tâm y tế Hoài Ân	Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin.	Văn thư viên trung cấp	02.008	100,0				**100,0**
XII		**Trung tâm y tế Ia Grai**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:7 chỉ tiêu														
1	1110	Đào Thị Phương Yến	Nữ	17/12/2003	Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng A001046	Không	Trung tâm y tế Ia Grai	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	82,0				**82,0**
2	1044	Trần Thị Thu Trang	Nữ	15/6/2003	Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng TN21-CĐ 0000119	Không	Trung tâm y tế Ia Grai	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	81,0				**81,0**
3	0917	Trần Thị Nhung	Nữ	24/02/2000	Ia Krái, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng YDA00551	Không	Trung tâm y tế Ia Grai	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	77,0				**77,0**
4	0814	Nguyễn Thị Lan	Nữ	12/5/1989	Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng VCI0008292	Không	Trung tâm y tế Ia Grai	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	75,5				**75,5**
5	0964	Lê Văn Tâm	Nữ	08/4/1994	Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng YDC00849	Không	Trung tâm y tế Ia Grai	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	63,0				**63,0**
6	0884	Hồ Thị Như Ngọc	Nữ	11/11/1993	Ia Krái, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng YDC00851	Không	Trung tâm y tế Ia Grai	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	60,5				**60,5**
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh:2 chỉ tiêu														

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
1	1714	Ksor Luyên	Nữ	01/01/2000	Ia Hrung, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật QNU.A.0000552	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ia Grai	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	78,0		5		**83,0**
2	1778	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	03/11/1991	Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật MBS60002937	Không	Trung tâm y tế Ia Grai	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	80,0				**80,0**
		Đại học ngành Công tác xã hội, xã hội học:1 chỉ tiêu														
1	1885	Nguyễn Thị Thúy Vân	Nữ	26/02/1991	Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Đại học Công tác xã hội 062557	Con thương binh	Trung tâm y tế Ia Grai	Đại học ngành Công tác xã hội, xã hội học	Công tác xã hội viên	V.09.04.02	67,0		5		**72,0**
		Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính:1 chỉ tiêu														
1	1372	Nguyễn Quang Nhật	Nam	30/8/2003	Ia Krai, tỉnh Gia Lai	Đại học Công nghệ thông tin DKK62008962	Không	Trung tâm y tế Ia Grai	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	60,0				**60,0**
		Đại học ngành Điều dưỡng:9 chỉ tiêu														
1	0586	Thái Thị Ánh Phượng	Nữ	01/8/2000	Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Đại học Điều dưỡng A0001251	Không	Trung tâm y tế Ia Grai	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	65,0				**65,0**
2	0618	Đinh Thị Thủy Tiên	Nữ	20/06/1993	Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng số hiệu: 1130182	Không	Trung tâm y tế Ia Grai	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	64,0				**64,0**
XIII		**Trung tâm y tế Ia Pa**														
		Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin:1 chỉ tiêu														
1	1399	Siu Đình Thân	Nam	31/01/1987	Ia Pa, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Khoa học máy tính 00260857	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ia Pa	Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng IV	V.11.06.15	67,5		5		**72,5**
		Cao đẳng Điều dưỡng:5 chỉ tiêu														
1	0927	Rmah H' Oanh	Nữ	06/11/1993	Ia Pa, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B717193	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ia Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	86,0		5		**91,0**
2	0798	Nay H' Joanh	Nữ	30/10/1997	Ia Tul, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B1026086	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ia Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	73,5		5		**78,5**
3	0939	Siu H' Plơnh	Nữ	08/10/1994	Pờ Tó, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B81766	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ia Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	67,0		5		**72,0**
4	0908	Nay Nhon	Nam	17/9/1989	Ia Tul, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B688962	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ia Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	62,0		5		**67,0**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
5	0796	Nay H' Jin	Nữ	11/4/1994	Ia Tul, tỉnh Gia Lai	Cử nhân thực hành điều dưỡng (C01682)	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ia Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	52,0		5		**57,0**
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0318	Trần Thị Thu Thúy	Nữ	02/6/1994	Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Dược A180775	Không	Trung tâm y tế Ia Pa	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	74,0				**74,0**
		Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học:1 chỉ tiêu														
1	1268	Trần Mạnh Kiên	Nam	14/5/1986	Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học A000655	Không	Trung tâm y tế Ia Pa	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	90,5				**90,5**
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh:2 chỉ tiêu														
1	1811	Rah Lan H' Tiêu	Nữ	20/01/1998	Ia Tul, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật UL.B.0004294	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ia Pa	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	89,0		5		**94,0**
2	1689	Nguyễn Thị Lan	Nữ	14/3/2002	Ia Pa, tỉnh Gia Lai	Đại học Luật HLU015428	Không	Trung tâm y tế Ia Pa	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	83,0				**83,0**
		Đại học ngành Công tác xã hội, xã hội học:1 chỉ tiêu														
1	1867	K pă H' Li Na	Nữ	24/10/1999	Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Công tác xã hội TDLB001735	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ia Pa	Đại học ngành Công tác xã hội, xã hội học	Công tác xã hội viên	V.09.04.02	58,0		5		**63,0**
		Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học:1 chỉ tiêu														
1	1183	Đinh Thị Thăm	Nữ	20/02/1996	Ia Pa, tỉnh Gia Lai	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học (0001765)	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ia Pa	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	97,0		5		**102,0**
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính:3 chỉ tiêu														
1	1497	Kpă Thích	Nam	30/4/1989	Phú Túc, tỉnh Gia Lai	Đại học Tài chính - Ngân hàng (009196)	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ia Pa	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	62,0		5		**67,0**
		Văn thư viên trung cấp: 1 chỉ tiêu														

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
1	1322	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	31/8/1981	Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Văn thư hành chính VCI0015914	Con thương binh	Trung tâm y tế Ia Pa	Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin.	Văn thư viên trung cấp	02.008	65,0		5		**70,0**
XIV		**Trung tâm Y tế Kbang**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	0707	Phạm Trần Kim Giang	Nữ	12/08/1999	Kbang, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng K.00063	Không	Trung tâm Y tế Kbang	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	80,5				**80,5**
		Cao đẳng Hộ sinh:1 chỉ tiêu														
1	0416	Vũ Thị Nga	Nữ	10/6/1990	Kbang, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng hộ sinh A000909	Không	Trung tâm Y tế Kbang	Cao đẳng Hộ sinh trở lên	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	94,5				**94,5**
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh:2 chỉ tiêu														
1	1599	Đoàn Thị Mỹ Diễm	Nữ	22/02/1987	Kbang, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật E0047447	Không	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	83,0				**83,0**
2	1574	Hứa Ngọc Tú Anh	Nữ	17/01/1993	Kbang, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Quan trị kinh doanh 1265830	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	76,0		5		**81,0**
		Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học:2 chỉ tiêu														
1	1181	Ngô Thị Quí	Nữ	30/01/2002	Kbang, tỉnh Gia Lai	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học E0051234	Không	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	97,0				**97,0**
XV		**Trung tâm Y tế Kông Chro**														
		Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin:1 chỉ tiêu														
1	1402	Nguyễn Đình Văn	Nam	06/3/1997	Kông Chro, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Công nghệ thông tin (B912798)	Không	Trung tâm Y tế Kông Chro	Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng IV	V.11.06.15	56,0				**56,0**
		Cao đẳng Điều dưỡng:9 chỉ tiêu														
1	0698	Phạm Kim Duyên	Nữ	12/02/2004	An Hoà, An Lão	Cao đẳng ngành điều dưỡng (A001444)	Không	Trung tâm Y tế Kông Chro	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	100,0				**100,0**
2	0843	Nguyễn Thị Mai Ly	Nữ	04/10/1992	An Khê, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B57282	Không	Trung tâm Y tế Kông Chro	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	99,0				**99,0**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
3	0823	Lê Thị Kim Liên	Nữ	07/6/1993	An Nhơn Đông, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (000019)	Không	Trung tâm Y tế Kông Chro	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	94,0				**94,0**
4	0911	Nguyễn Thị Hiền Như	Nữ	28/12/1992	Phú Vinh, Tp Huế	Cao đẳng Điều dưỡng (B375357)	Không	Trung tâm Y tế Kông Chro	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	80,0				**80,0**
5	0947	Nguyễn Thị Quyên	Nữ	29/10/1991	Kông Chro, Gia Lai	Đại học Điều dưỡng (17099753)	Không	Trung tâm Y tế Kông Chro	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	76,5				**76,5**
6	0894	Hồ Thị Ánh Nguyệt	Nữ	01/10/1993	Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng B597069	Không	Trung tâm Y tế Kông Chro	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	64,0				**64,0**
7	1071	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	19/4/1989	Kông Chro, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (PA000875)	Không	Trung tâm Y tế Kông Chro	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	64,0				**64,0**
8	0694	Nguyễn Thuỳ Dung	Nữ	13/7/2001	Quy Nhơn Tây, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (A00979)	Không	Trung tâm Y tế Kông Chro	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	63,5				**63,5**
		Cao đẳng Hộ sinh:4 chỉ tiêu														
1	0418	Nguyễn Thị Bảo Nhi	Nữ	30/3/1997	An Khê, Gia Lai	Cao đẳng ngành hộ sinh (B934817)	Không	Trung tâm Y tế Kông Chro	Cao đẳng Hộ sinh trở lên	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	99,5				**99,5**
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh:4 chỉ tiêu														
1	1799	Đặng Thị Tuyết Thơm	Nữ	27/10/1990	Kông Chro, tỉnh Gia Lai	Đại học Luật DHH.6.0.0000117	Không	Trung tâm Y tế Kông Chro	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	72,0				**72,0**
2	1769	Nguyễn Thị Nhã Phương	Nữ	18/8/2002	An Khê, tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Quản trị kinh doanh IUH.B.0072612	Không	Trung tâm Y tế Kông Chro	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	58,0				**58,0**
3	1833	Đinh Thị Roan Vi	Nữ	30/8/2002	Kông Chro, Gia Lai	Đại học quản lý nhà nước (0000812)	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Kông Chro	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	50,0		5		**55,0**
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính:2 chỉ tiêu														
1	1444	Nguyễn Hoàng Lập	Nam	20/08/1995	Vĩnh Thịnh, Gia Lai	Cử nhân Kế toán (1337957)	Không	Trung tâm Y tế Kông Chro	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	50,0				**50,0**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
		Văn thư viên trung cấp: 1 chỉ tiêu														
1	1335	Phan Thị Thảo	Nữ	17/7/1991	Kông Chro, tỉnh Gia Lai	Đại học Lưu trữ học 298833	Không	Trung tâm Y tế Kông Chro	Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin.	Văn thư viên trung cấp	02.008	88,0				**88,0**
XVI		**Trung tâm Y tế Krông Pa**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:10 chỉ tiêu														
1	0822	Ksor H' Liên	Nữ	05/11/2002	Ia Dreh, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng 600489	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	99,5		5		**104,5**
2	0687	Ksor H' Djuih	Nữ	08/11/1995	Ia Dreh, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B640217	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	99,0		5		**104,0**
3	0746	Kpă H'Loang	Nữ	10/12/1997	Ia Dreh, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B1102044	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	98,0		5		**103,0**
4	1108	Ksor H' Yên	Nữ	03/6/1997	Ia Dreh, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B783804	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	96,0		5		**101,0**
5	1117	Nay Yuin	Nam	10/5/1991	Ia Dreh, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng B640073	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	94,0		5		**99,0**
6	0821	Ksor H' Liế	Nữ	15/10/1994	Phú Túc, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B649285	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	90,5		5		**95,5**
7	0886	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	27/02/1991	Uar, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng A498755	Không	Trung tâm Y tế Krông Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	95,0				**95,0**
8	0907	Ksor H' Nhoa	Nữ	10/6/1992	Phú Túc, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B.688232	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	89,0		5		**94,0**
9	1115	R' Ô H' Yoan	Nữ	07/7/2003	Phú Túc, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng 600959	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	80,5		5		**85,5**
10	0888	Ksor Ngứ	Nam	15/4/2001	Phú Túc, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng A.001537	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	75,5		5		**80,5**
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh:2 chỉ tiêu														
1	1770	Nguyễn Thị Phương Phương	Nữ	16/10/1996	Phú Túc, tỉnh Gia Lai	Đại học Quản lý nhà nước 0005964	Không	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	90,0				**90,0**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
2	1607	R' Ô H' Đuy	Nữ	03/6/1999	Phú Túc, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật A0003450	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	83,0		5		**88,0**
		Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học:2 chỉ tiêu														
1	1178	Ksor Phiếu	Nữ	07/4/1999	Ia Dreh, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học TTN.CN.004525	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	94,0		5		**99,0**
2	1166	Trần Thị Thảo Nguyên	Nữ	07/9/2000	Tuy An Nam, Đắk Lắk	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học (VL-B10910)	Không	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	98,5				**98,5**
		Đại học ngành Điều dưỡng:14 chỉ tiêu														
1	0592	Nay H' Rới	Nữ	13/08/1993	Phú Túc, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng 0538028	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	87,5		5		**92,5**
2	0447	Rô H' Dyan	Nữ	14/7/1999	Ia Dreh, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng 001611	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	84,0		5		**89,0**
3	0596	Ksor H' Tâm	Nữ	12/6/1992	Phú Túc, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng sản phụ khoa A0003619	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	74,0		5		**79,0**
4	0591	RCom Ran	Nam	08/10/1993	Phú Túc, tỉnh Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng 0002494	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	69,5		5		**74,5**
5	0494	Ksor H'Thiê	Nữ	01/3/2001	Ia Dreh, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng TTN.CN.004108	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	59,5		5		**64,5**
6	0587	Ksor H' Piên	Nữ	26/3/2003	Phú Túc, tỉnh Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng DHH.6.C.0005535	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	56,5		5		**61,5**
7	0475	Rah Lan H'Nga	Nữ	15/11/1996	Phú Túc, tỉnh Gia Lai	Đại học điều dưỡng 000817	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	54,5		5		**59,5**
8	0432	Nay H' Chưng	Nữ	15/3/1999	Uar, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng 002194	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	50,5		5		**55,5**
9	0464	Ksor H'Hă	Nữ	24/8/1998	Ia Rsai, tỉnh Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng 002195	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	50,5		5		**55,5**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
10	0570	Nay H' Non	Nữ	07/12/1996	Uar, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng 003233	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	50,0		5		**55,0**
11	0550	Nguyễn Thị Hồng Nhân	Nữ	24/11/1997	Phú Túc, tỉnh Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng 7101490	Không	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	53,5				**53,5**
		Văn thư viên trung cấp:1 chỉ tiêu														
1	1318	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	04/02/1991	Phú Túc, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Quản trị văn phòng và Lưu trữ A385035	Không	Trung tâm Y tế Krông Pa	Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin.	Văn thư viên trung cấp	02.008	69,0				**69,0**
XVII		**Trung tâm y tế Mang Yang**														
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh:1 chỉ tiêu														
1	1827	Nguyễn Thị Kim Tuyến	Nữ	05/9/2000	Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật Kinh tế E0033877	Không	Trung tâm y tế Mang Yang	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	86,0				**86,0**
		Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học:1 chỉ tiêu														
1	1189	Nguyễn Thị Tiên Tiên	Nữ	23/7/1997	Bàu Cạn, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học CN00585	Không	Trung tâm y tế Mang Yang	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	100,0				**100,0**
		Đại học ngành Điều dưỡng:17 chỉ tiêu														
1	0632	Nguyễn Ngọc Tú	Nữ	15/3/1997	Hra, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng 1763808	Không	Trung tâm y tế Mang Yang	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	93,0				**93,0**
2	0605	Phạm Thị Anh Thảo	Nữ	25/4/1998	Diên Hồng, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng TDU.1001911	Không	Trung tâm y tế Mang Yang	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	54,0				**54,0**
		Đại học ngành Hộ sinh:2 chỉ tiêu														
1	1542	Thonh	Nữ	07/12/2003	Hra, tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Hộ sinh (DHH.6.C.0005614)	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Mang Yang	Đại học ngành Hộ sinh	Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	88,5		5		**93,5**
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính:4 chỉ tiêu														
1	1441	Dương Thuý Kiều	Nữ	29/4/1999	Vạn Đức, Gia Lai	Đại học tài chính ngân hàng (DND.6.0146113)	Không	Trung tâm y tế Mang Yang	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	99,0				**99,0**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
2	1527	Phạm Thùy Yang	Nữ	17/01/1993	Ayun, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kế toán 1265513	Không	Trung tâm y tế Mang Yang	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	50,0				**50,0**
XVIII		**Trung tâm y tế Phù Cát**														
		Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học:1 chỉ tiêu														
1	1231	Đặng Thị Xuân Ánh	Nữ	10/03/1998	Hoà Hội, Gia Lai	Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học (B1111081)	Không	Trung tâm y tế Phù Cát	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	99,5				**99,5**
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh:1 chỉ tiêu														
1	1600	Nguyễn Thị Thanh Diễm	Nữ	02/06/1995	Phù Mỹ, Gia Lai	Cử nhân Quản lý nhà nước (0001209)	Không	Trung tâm y tế Phù Cát	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	86,0				**86,0**
		Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học :2 chỉ tiêu														
1	1134	Lê Thị Mỹ Duyên	Nữ	04/12/2001	Đề Gi, Gia Lai	Đại học kỹ thuật xét nghiệm y học (VL-6BA004877)	Không	Trung tâm y tế Phù Cát	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	100,0				**100,0**
2	1153	Đặng Thị Lắm	Nữ	20/6/1997	Phù Mỹ Bắc, Gia Lai	Đại học kỹ thuật xét nghiệm y học (E0005632)	Không	Trung tâm y tế Phù Cát	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	98,0				**98,0**
		Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính:2 chỉ tiêu														
1	1359	Diệp Minh Hùng	Nam	20/4/2003	Bình Định, Gia Lai	Đại học công nghệ thông tin (ĐH257427)	Không	Trung tâm y tế Phù Cát	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	68,0				**68,0**
2	1347	Nguyễn Đức Chinh	Nam	20/01/1999	Ngô Mây, Gia Lai	Cử nhân Công nghệ thông tin (QNU A.0002104)	Không	Trung tâm y tế Phù Cát	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	62,0				**62,0**
XIX		**Trung tâm y tế Phù Mỹ**														
		Cao đẳng Quản trị văn phòng:1 chỉ tiêu														
1	1554	Lê Thị Thanh Tuyền	Nữ	02/10/1990	Phù Mỹ, Gia Lai	Cao đẳng quản trị văn phòng (A118696)	Không	Trung tâm y tế Phù Mỹ	Cao đẳng Quản trị văn phòng	Cán sự	01.004	85,5				**85,5**
		Cao đẳng Điều dưỡng:2 chỉ tiêu														

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
1	0925	Huỳnh Thị Kim Oanh	Nữ	10/11/2004	Phù Mỹ Nam, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (001430)	Không	Trung tâm y tế Phù Mỹ	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	98,5				**98,5**
2	1081	Đặng Thị Hồng Vân	Nữ	19/09/2004	Phù Mỹ Bắc, Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng (A001461)	Không	Trung tâm y tế Phù Mỹ	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	98,5				**98,5**
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0350	Nguyễn Thị Thanh Trang	Nữ	17/11/1995	Phù Mỹ Tây, Gia Lai	Cao đẳng Dược (B924210)	Không	Trung tâm y tế Phù Mỹ	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	51,5				**51,5**
		Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính:1 chỉ tiêu														
1	1345	Vũ Đình Thế Anh	Nam	22/11/2003	Phù Mỹ, Gia Lai	Cử nhân công nghệ thông tin - kỹ thuật phần mền (1148/QĐ-ĐHFPT)	Không	Trung tâm y tế Phù Mỹ	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	53,0				**53,0**
		Đại học ngành Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	0597	Nguyễn Thị Diểm Tâm	Nữ	21/01/1992	An Lương, Gia Lai	Đại học ngành điều dưỡng (TVU.1.034129)	Không	Trung tâm y tế Phù Mỹ	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	89,0				**89,0**
		Cao đẳng Công nghệ thực phẩm:1 chỉ tiêu														
1	1550	Kpă Siu H' Linh	Nữ	23/8/2001	Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Kỹ sư Công nghệ thực phẩm 000564	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Phù Mỹ	Cao đẳng Công nghệ thực phẩm	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	60,5		5		**65,5**
XX		**Trung tâm Y tế Phú Thiện**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:4 chỉ tiêu														
1	1004	Nguyễn Thị Thu	Nữ	20/5/1994	Chư A Thai, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng (B497584)	Không	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	78,5				**78,5**
2	0880	Rmah H' Ngen	Nữ	01/6/1995	Tây Hòa, tỉnh Đăk Lăk	Cao đẳng Điều dưỡng B790625	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	58,5		5		**63,5**
3	0854	Siu MiLa	Nữ	21/12/1998	Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	Cao đẳng điều dưỡng B11055189	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	51,0		5		**56,0**
4	0733	Ksor H'Gái	Nữ	01/01/2001	Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng 600485	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	50,0		5		**55,0**
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0402	Trần Dương Như Ý	Nữ	17/10/2003	Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Dược A001412	Không	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	61,0				**61,0**
		Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính:1 chỉ tiêu														
1	1373	Trần Nhật Sinh	Nam	11/9/2002	Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Hệ thống thông tin QH75202500299	Không	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	63,5				**63,5**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
		Đại học ngành Điều dưỡng:14 chỉ tiêu														
1	0440	Ksor Ang Drê	Nam	19/08/1997	Ia Hiao, Gia Lai	Đại học Điều dưỡng (1839570)	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	82,0		5		**87,0**
XXI		**Trung tâm Y tế Pleiku**														
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh:1 chỉ tiêu														
1	1611	Nguyễn Thị Lệ Hà	Nữ	20/4/1989	Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Đại học Quản trị kinh doanh (00224843)	Không	Trung tâm Y tế Pleiku	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	71,0				**71,0**
		Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học:1 chỉ tiêu														
1	1160	Lê Thị Hồng Mai	Nữ	01/5/1997	Hội Phú, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học E0143528	Không	Trung tâm Y tế Pleiku	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	100,0				**100,0**
		Đại học ngành Y tế công cộng:1 chỉ tiêu														
1	1538	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	20/07/1997	Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Y tế công cộng 000053	Không	Trung tâm Y tế Pleiku	Đại học ngành Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	91,0				**91,0**
		Dân số viên hạng III: 1 chỉ tiêu														
1	1289	Nguyễn Thị Tố Nhi	Nữ	25/10/1998	Bình An, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Y tế công cộng E005722	Không	Trung tâm Y tế Pleiku	Đại học nhóm ngành Y tế công cộng; Hoặc đại học ngành Điều dưỡng có chứng chỉ đạt chuẩn viên chức dân số	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	84,0				**84,0**
XXII		**Trung tâm y tế Quy Nhơn**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:19 chỉ tiêu														
1	0667	Nguyễn Thị Hồng Chi	Nữ	03/4/1998	Phù Mỹ Đông, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (B1026122)	Không	Trung tâm y tế Quy Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	100,0				**100,0**
2	0681	Trần Thị Diễm	Nữ	19/5/1998	An Nhơn Bắc, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (B1026074)	Không	Trung tâm y tế Quy Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	100,0				**100,0**
3	0720	Đinh Thị Mỹ Hạnh	Nữ	27/02/2003	Tuy An Tây, Đắk Lắk	Cử nhân ngành điều dưỡng (7122473)	Không	Trung tâm y tế Quy Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	100,0				**100,0**
4	0784	Trần Thị Hương	Nữ	10/8/1996	Phù Mỹ Bắc, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (B790572)	Không	Trung tâm y tế Quy Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	100,0				**100,0**
5	0829	Phan Kiều Linh	Nữ	20/12/1999	Bình An, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (000443)	Không	Trung tâm y tế Quy Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	100,0				**100,0**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
6	0913	Trương Thị Quỳnh Như	Nữ	21/01/1998	Cát Tiến, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (B1055280)	Không	Trung tâm y tế Quy Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	100,0				**100,0**
7	0898	Phan Thị Kim Nhân	Nữ	15/06/1992	Vĩnh Thạnh, Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng (B401099)	Không	Trung tâm y tế Quy Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	99,5				**99,5**
8	0985	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	13/10/2003	Hoài Nhơn Tây, Gia Lai	Đại học Điều dưỡng (DHH.6.C0005419)	Không	Trung tâm y tế Quy Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	99,5				**99,5**
9	0935	Nguyễn Hoài Phương	Nữ	13/12/2000	Quy Nhơn Nam, Gia Lai	Đại học Điều dưỡng (7106576)	Không	Trung tâm y tế Quy Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	99,0				**99,0**
10	0959	Lê Thuý Sang	Nữ	12/01/1994	Vĩnh Thạnh, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (B597153)	Không	Trung tâm y tế Quy Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	99,0				**99,0**
11	0966	Nguyễn Thị Phương Tây	Nữ	05/3/1994	Canh Vinh, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (000240)	Không	Trung tâm y tế Quy Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	98,5				**98,5**
12	1005	Ngô Thị Mỹ Thư	Nữ	01/04/1999	Tuy Phước Đông, Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng (000460)	Không	Trung tâm y tế Quy Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	98,5				**98,5**
13	0674	Nguyễn Thị Thanh Đào	Nữ	30/9/1993	Quy Nhơn, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (B883902)	Không	Trung tâm y tế Quy Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	97,5				**97,5**
14	0699	Trần Thị Hạnh Duyên	Nữ	05/3/1998	Hội Sơn, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (B1111038)	Không	Trung tâm y tế Quy Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	97,5				**97,5**
15	0713	Trần Thị Ngọc Hà	Nữ	20/01/1994	Quy Nhơn Bắc, Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng (B639898)	Không	Trung tâm y tế Quy Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	97,0				**97,0**
16	0727	Bùi Thị Hậu	Nữ	31/05/2003	Xuân An, Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng (A001182)	Không	Trung tâm y tế Quy Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	96,5				**96,5**
17	0847	Mai Thị Như Lý	Nữ	20/8/1994	Bình Định, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (B640164)	Không	Trung tâm y tế Quy Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	96,5				**96,5**
18	1047	Đinh Thị Bích Triệu	Nữ	25/7/2004	Vĩnh Quang, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (A001438)	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Quy Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	91,5		5		**96,5**
19	0998	Trần Thị Tuyết Thoa	Nữ	20/02/1995	Tuy Phước, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (B1099206)	Không	Trung tâm y tế Quy Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	96,0				**96,0**
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0061	Huỳnh Ngọc Giàu	Nữ	01/01/1998	Vĩnh Thịnh, Gia Lai	Cao đẳng Dược (B1111117)	Không	Trung tâm y tế Quy Nhơn	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	84,0				**84,0**
		Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng:2 chỉ tiêu														

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
1	1278	Đỗ Thị Hồng Duyên	Nữ	25/12/1995	An Nhơn, Gia Lai	Cao đẳng ngành Phục hồi chức năng (YDC00911)	Con bệnh binh	Trung tâm y tế Quy Nhơn	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	70,0		5		**75,0**
		Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính:1 chỉ tiêu														
1	1362	Tăng Nhật Hưng	Nam	20/9/2001	Quy Nhơn, Gia Lai	Cử nhân công nghệ thông tin (QNUA/0000029)	Không	Trung tâm y tế Quy Nhơn	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	79,0				**79,0**
		Đại học ngành Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	0613	Hồ Thị Lệ Thường	Nữ	14/03/1994	Quy Nhơn, Gia Lai	Đại học Điều dưỡng (0002790)	Không	Trung tâm y tế Quy Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	98,0				**98,0**
		Cao đẳng ngành Công tác xã hội:2 chỉ tiêu														
1	1561	Đoàn Thị Thuý Ngân	Nữ	15/12/1994	Quy Nhơn Nam, Gia Lai	Đại học Công tác xã hội (1322803)	Không	Trung tâm y tế Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Công tác xã hội	Nhân viên công tác xã hội	V.09.04.03	63,0				**63,0**
XXIII		**Trung tâm y tế Tây Sơn**														
		Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin:1 chỉ tiêu														
1	1392	Lê Tấn Dũng	Nam	02/8/2002	Tây Sơn, Gia Lai	Kỹ sư công nghệ thông tin (A002513)	Không	Trung tâm y tế Tây Sơn	Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng IV	V.11.06.15	60,0				**60,0**
		Đại học ngành Y tế công cộng :3 chỉ tiêu														
1	1529	Nguyễn Thị Kim Cơ	Nữ	02/9/1997	Bình Hiệp, Gia Lai	Cử nhân Y tế công cộng (SH: 000031)	Không	Trung tâm y tế Tây Sơn	Đại học ngành Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	95,0				**95,0**
XXIV		**Trung tâm y tế Tuy Phước**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:4 chỉ tiêu														
1	0938	Lê Thị Phượng	Nữ	01/12/1994	Tuy Phước Tây, Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng (B738055)	Không	Trung tâm y tế Tuy Phước	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	100,0				**100,0**
2	0997	Lê Thị Kim Thoa	Nữ	04/01/1995	Tuy Phước Bắc, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (B738012)	Không	Trung tâm y tế Tuy Phước	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	100,0				**100,0**
3	1111	Đỗ Thị Yến	Nữ	07/08/1996	Tuy Phước Tây, Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng (B1025701)	Không	Trung tâm y tế Tuy Phước	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	100,0				**100,0**
4	0912	Trình Tường Quỳnh Như	Nữ	13/12/1995	Cát Tiến, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (B-738052)	Không	Trung tâm y tế Tuy Phước	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	99,5				**99,5**
		Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học :1 chỉ tiêu														
1	1272	Lê Duy Phương	Nam	04/10/1993	Quy Nhơn Bắc, Gia Lai	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học (004836)	Không	Trung tâm y tế Tuy Phước	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	88,0				**88,0**
		Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học :1 chỉ tiêu														

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
1	1129	Nguyễn Thị Hồng Diễm	Nữ	12/12/1992	Cát Tiến, Gia Lai	Đại học kỹ thuật xét nghiệm y học (TVU.1.035118)	Không	Phòng khám đa khoa khu vực Phước Hòa	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	100,0				**100,0**
		Đại học ngành Điều dưỡng:3 chỉ tiêu														
1	0467	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	12/10/2000	Tuy Phước, Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng (E0021849)	Không	Trung tâm y tế Tuy Phước	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	94,0				**94,0**
2	0459	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nữ	12/02/1993	Đề Gi, Gia Lai	Đại học ngành điều dưỡng (000373)	Không	Trung tâm y tế Tuy Phước	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	93,0				**93,0**
3	0583	Nguyễn Phạm Hà Phương	Nữ	02/8/2003	Tuy Phước, Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng (DHH.6.C.0005387)	Không	Trung tâm y tế Tuy Phước	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	90,5				**90,5**
		Đại học ngành Dinh dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	1288	Nguyễn Tường Vi	Nữ	25/10/2003	Đề Gi, Gia Lai	Cử nhân dinh dưỡng (PNTU.CN/001275)	Không	Trung tâm y tế Tuy Phước	Đại học ngành Dinh dưỡng	Dinh dưỡng hạng III	V.08.09.25	93,0				**93,0**
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính:1 chỉ tiêu														
1	1443	Lê Thị Châu Lan	Nữ	10/12/1989	Phù Mỹ Nam, Gia Lai	Đại học kế toán (314524)	Không	Trung tâm y tế Tuy Phước	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	55,0				**55,0**
		Đại học ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường:1 chỉ tiêu														
1	1545	Nguyễn Bá Sơn	Nam	12/02/1998	Hội Sơn, Gia Lai	Kỹ sư kỹ thuật môi trường (520641)	Không	Trung tâm y tế Tuy Phước	Đại học ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	62,0				**62,0**
		Trung cấp ngành Lưu trữ: 1 chỉ tiêu														
1	1343	Đặng Hoàng Mộng Thuý	Nữ	26/11/1991	Tuy Phước, Gia Lai	Cao đẳng Kế toán (A422480)	Không	Trung tâm y tế Tuy Phước	Trung cấp ngành Lưu trữ. Trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ lưu trữ	Lưu trữ viên trung cấp	V.01.02.03	84,0				**84,0**
XXV		**Trung tâm y tế Vân Canh**														
		Đại học ngành Điều dưỡng: 3 chỉ tiêu														
1	0636	Nguyễn Thị Tú Uyên	Nữ	06/12/1997	Canh Vinh, Gia Lai	Đại học Điều dưỡng (C2002121)	Không	Trung tâm y tế Vân Canh	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	98,5				**98,5**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
2	0436	Trương Hồng Diễm	Nữ	01/01/1995	Vân Canh, Gia Lai	Đại học điều dưỡng (C2002091)	Không	Trung tâm y tế Vân Canh	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	65,5				**65,5**
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính:1 chỉ tiêu														
1	1483	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Nữ	04/06/1989	Vân Canh, Gia Lai	Cử nhân Kế toán (A016075)	Không	Trung tâm y tế Vân Canh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	73,5				**73,5**
XXVI		**Trung tâm y tế Vĩnh Thạnh**														
		Đại học ngành Luật:1 chỉ tiêu														
1	1823	Lê Quốc Truyền	Nam	02/10/1983	Vĩnh Thạnh, Gia Lai	Cử nhân Luật Kinh tế (1105176)	Không	Trung tâm y tế Vĩnh Thạnh	Đại học ngành Luật	Chuyên viên	01.003	87,0				**87,0**
		Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học :1 chỉ tiêu														
1	1224	Lê Văn Quốc	Nam	18/07/1994	Vân Canh, Gia Lai	Đại học Kỹ thuật Hình ảnh y học (E0119801)	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Vĩnh Thạnh	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	74,0		5		**79,0**
		Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính:1 chỉ tiêu														
1	1390	Nguyễn Thế Vinh	Nam	03/8/1987	Vĩnh Thạnh, Gia Lai	Kỹ sư Công nghệ thông tin (A17670)	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Trung tâm y tế Vĩnh Thạnh	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	63,0		2,5		**65,5**
2		**TRẠM Y TẾ XÃ/PHƯỜNG**														
I		**Trạm Y tế xã Cửu An (Trung tâm Y tế An Khê)**														
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0393	Lê Thị Thanh Vi	Nữ	13/07/1994	An Khê, Gia Lai	Cao đẳng Dược (258/QĐ-YDC ngày 03/12/2024)	Không	Trạm Y tế xã Cửu An	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	66,5				**66,5**
II		**Trạm y tế phường An Nhơn Bắc (Trung tâm y tế An Nhơn)**														
		Cao đẳng dược:1 chỉ tiêu														
1	0339	Trương Thị Hoà Trâm	Nữ	11/08/1992	Phù Mỹ Bắc, Gia Lai	Cao đẳng Dược (B737455)	Không	Trạm y tế phường An Nhơn Bắc	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	78,0				**78,0**
III		**Trạm y tế phường Bình Định (Trung tâm y tế An Nhơn)**														
		Cao đẳng dược:1 chỉ tiêu														
1	0343	Huỳnh Ngọc Trang	Nữ	12/11/1989	Tuy Phước, Gia Lai	Cao đẳng Dược (C0001234)	Không	Trạm y tế phường Bình Định	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	84,0				**84,0**
IV		**Trạm y tế xã An Nhơn Tây (Trung tâm y tế An Nhơn)**														
		Cao đẳng chuyên ngành Dân số - Y tế: 1 chỉ tiêu														

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
1	1291	Nguyễn Đoàn Thuý Nhơn	Nữ	09/12/1992	An Nhơn Nam, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (000027)	Không	Trạm y tế xã An Nhơn Tây	Cao đẳng chuyên ngành Dân số - Y tế hoặc Cao đẳng trở lên ở các chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	100,0				**100,0**
V		**Trạm Y tế xã Chư Păh - cơ sở 2 (Trung tâm y tế Chư Păh)**														
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0327	Đoàn Thị Minh Tiến	Nữ	15/10/1993	Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Dược (B375895)	Không	Trạm Y tế xã Chư Păh - cơ sở 2	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	84,5				**84,5**
VI		**Trạm y tế xã Ia Khươl (Trung tâm y tế Chư Păh)**														
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0335	Lê Thị Bích Trâm	Nữ	20/10/1996	Ia Khươl, tỉnh Gia Lai	Dược sĩ đại học 0000144	Không	Trạm y tế xã Ia Khươl	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	83,5				**83,5**
VII		**Trạm y tế xã Ia Khươl - cơ sở 2 (Trung tâm y tế Chư Păh)**														
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0319	Đặng Thị Thùy	Nữ	26/02/1999	Ia Khươl, tỉnh Gia Lai	Dược sĩ đại học TDDS.1781	Không	Trạm y tế xã Ia Khươl - cơ sở 2	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	52,0				**52,0**
VIII		**Trạm y tế xã Ia Khươl - cơ sở 3 (Trung tâm y tế Chư Păh)**														
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0179	Hồ Thị Ngân	Nữ	10/6/1991	Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Dược A180388	Không	Trạm y tế xã Ia Khươl - cơ sở 3	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	77,0				**77,0**
IX		**Trạm y tế xã Ia Phí (Trung tâm y tế Chư Păh)**														
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0369	Lê Quốc Tuấn	Nam	25/7/1999	Ia Ly, tỉnh Gia Lai	Đại học Dược TDDS.1453	Không	Trạm y tế xã Ia Phí	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	72,5				**72,5**
X		**Trạm y tế xã Ia Phí - cơ sở 3 (Trung tâm y tế Chư Păh)**														
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0395	Đinh Thị Viết	Nữ	06/7/1990	Ia Phí, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Dược A180361	Người dân tộc thiểu số	Trạm y tế xã Ia Phí - cơ sở 3	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	79,0		5		**84,0**
XI		**Trạm Y tế xã Chư Prông - cơ sở 2 (Trung tâm y tế Chư Prông)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	0969	Y Tha	Nữ	18/7/2002	Ia Chim, tỉnh Quảng Ngãi	Cao đẳng điều dưỡng 600506	Người dân tộc thiểu số	Trạm Y tế xã Chư Prông - cơ sở 2	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	74,0		5		**79,0**
XII		**Trạm Y tế xã Ia Pia (Trung tâm y tế Chư Prông)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	0801	Rơ Mah Khech	Nữ	05/5/2004	Ia Pia, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng 600960	Người dân tộc thiểu số	Trạm Y tế xã Ia Pia	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	59,0		5		**64,0**
XIII		**Trạm Y tế xã Ia Tôr (Trung tâm y tế Chư Prông)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
1	0773	Lê Thị Thơm Hương	Nữ	17/7/1992	Bờ Ngoong, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng (B208189)	Không	Trạm Y tế xã Ia Tôr	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	68,5				**68,5**
XIV		**Trạm Y tế xã Chư Pưh (Trung tâm y tế Chư Pưh)**														
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0274	Nguyễn Huy Thanh	Nam	13/8/1989	Vũng Tàu, TPHCM	Cao đẳng Dược B2000211	Không	Trạm Y tế xã Chư Pưh	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	55,0				**55,0**
XV		**Trạm Y tế xã Chư Pưh - Cơ sở 2 (Trung tâm y tế Chư Pưh)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	0725	Nguyễn Thị Thu Hảo	Nữ	30/10/2000	Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng YDC00345	Không	Trạm Y tế xã Chư Pưh - Cơ sở 2	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	100,0				**100,0**
XVI		**Trạm Y tế xã Ia Hrú - Cơ sở 3 (Trung tâm y tế Chư Pưh)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:3 chỉ tiêu														
1	0837	Rah Lan Loẽt	Nữ	20/01/2001	Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng (600497)	Người dân tộc thiểu số	Trạm Y tế xã Ia Hrú - Cơ sở 3	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	54,5		5		**59,5**
2	0887	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	Nữ	01/02/1997	Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B953293	Không	Trạm Y tế xã Ia Hrú - Cơ sở 3	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	58,5				**58,5**
XVII		**Trạm Y tế xã Ia Le (Trung tâm y tế Chư Pưh)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:3 chỉ tiêu														
1	0910	Lê Thị Quỳnh Như	Nữ	02/11/2001	Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng Y22.0498/YDP	Không	Trạm Y tế xã Ia Le	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	99,5				**99,5**
2	1113	Siu H' Yim	Nữ	05/3/1993	Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng B883010	Người dân tộc thiểu số	Trạm Y tế xã Ia Le	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	81,5		5		**86,5**
XVIII		**Trạm Y tế xã Al Bá-Cơ sở 2 (Trung tâm y tế Chư Sê)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	0683	Rơ Mah Diếp	Nữ	26/6/1997	Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B883900	Người dân tộc thiểu số	Trạm Y tế xã Al Bá-Cơ sở 2	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	95,0		5		**100,0**
XIX		**Trạm Y tế xã Bờ Ngoong-Cơ sở 3 (Trung tâm y tế Chư Sê)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	0840	H Lưm	Nữ	15/12/2001	Bờ Ngoong, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng 600490	Người dân tộc thiểu số	Trạm Y tế xã Bờ Ngoong-Cơ sở 3	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	51,0		5		**56,0**
XX		**Trạm Y tế xã Ia Ko-Cơ sở 2 (Trung tâm y tế Chư Sê)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	0719	Bùi Thị Mỹ Hạnh	Nữ	15/5/1990	Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng A181057	Không	Trạm Y tế xã Ia Ko-Cơ sở 2	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	87,5				**87,5**
		Cao đẳng Hộ sinh:1 chỉ tiêu														
1	0410	Mai Thị Lệ Hằng	Nữ	25/12/1986	Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Hộ sinh A000880	Không	Trạm Y tế xã Ia Ko-Cơ sở 2	Cao đẳng Hộ sinh trở lên	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	84,0				**84,0**
XXI		**Trạm Y tế xã Ia Ko-Cơ sở 3 (Trung tâm y tế Chư Sê)**														

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	0937	Nguyễn Thị Lan Phương	Nữ	27/12/1989	Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng YDC00746	Không	Trạm Y tế xã Ia Ko-Cơ sở 3	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	99,0				**99,0**
XXII		**Trạm Y tế xã KDang (Trung tâm y tế Đak Đoa)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	0931	Phe	Nữ	02/01/1993	Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B688263	Người dân tộc thiểu số	Trạm Y tế xã KDang	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	92,5		5		**97,5**
XXIII		**Trạm Y tế xã Ia Băng (Trung tâm y tế Đak Đoa)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:2 chỉ tiêu														
1	0664	Byam	Nữ	23/3/2003	Ia Băng, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng A001200	Người dân tộc thiểu số	Trạm Y tế xã Ia Băng	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	79,5		5		**84,5**
2	0818	Trần Thị Lê	Nữ	03/8/1993	Kdang, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng A182863	Không	Trạm Y tế xã Ia Băng	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	79,0				**79,0**
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0254	Trần Thị Hồng Quyên	Nữ	02/10/1993	An Phú, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Dược A001030	Không	Trạm Y tế xã Ia Băng	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	55,0				**55,0**
XXIV		**Trạm Y tế xã Ia Băng-Cơ sở 2 (Trung tâm y tế Đak Đoa)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:2 chỉ tiêu														
1	1001	Thoăi	Nữ	09/3/1997	Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B1025734	Người dân tộc thiểu số	Trạm Y tế xã Ia Băng-Cơ sở 2	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	100,0		5		**105,0**
2	0679	Đêm	Nữ	28/10/2003	Ia Băng, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng A001203	Người dân tộc thiểu số	Trạm Y tế xã Ia Băng-Cơ sở 2	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	88,5		5		**93,5**
XXV		**Trạm Y tế xã Ia Băng-Cơ sở 3 (Trung tâm y tế Đak Đoa)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	0795	Jim	Nam	29/3/1999	Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng 000366	Người dân tộc thiểu số	Trạm Y tế xã Ia Băng-Cơ sở 3	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	61,0		5		**66,0**
XXVI		**Trạm y tế xã Đak Đoa (Trung tâm y tế Đak Đoa)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:2 chỉ tiêu														
1	0940	Pyơi	Nữ	28/6/1996	Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B1025727	Người dân tộc thiểu số	Trạm y tế xã Đak Đoa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	93,5		5		**98,5**
2	0915	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	05/11/1997	Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B883928	Không	Trạm y tế xã Đak Đoa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	97,0				**97,0**
XXVII		**Trạm y tế xã Đak Đoa - cơ sở 3 (Trung tâm y tế Đak Đoa)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	0878	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	15/9/1998	Chư A Thai, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng A182091	Không	Trạm y tế xã Đak Đoa - cơ sở 3	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	50,0				**50,0**
XXVIII		**Trạm Y tế xã Đak Sơmei (Trung tâm y tế Đak Đoa)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
1	1107	Yem	Nữ	06/3/2001	Đak Sơ Mei, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng 600512	Người dân tộc thiểu số	Trạm Y tế xã Đak Sơmei	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	53,5		5		**58,5**
XXIX		**Trạm Y tế xã KDang-Cơ sở 2 (Trung tâm y tế Đak Đoa)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	0965	Trần Thị Thanh Tâm	Nữ	10/08/1991	Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng YDC00844	Không	Trạm Y tế xã KDang-Cơ sở 2	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	93,5				**93,5**
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0190	Võ Tấn Nghĩa	Nam	10/7/1997	Phú Túc, Gia Lai	Đại học dược (DL05202517)	Không	Trạm Y tế xã KDang-Cơ sở 2	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	51,0				**51,0**
XXX		**Trạm Y tế xã Kon Gang (Trung tâm y tế Đak Đoa)**														
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0098	Đặng Thị Hoài	Nữ	17/5/1988	Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Dược (DLT20628)	Không	Trạm Y tế xã Kon Gang	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	51,0				**51,0**
XXXI		**Trạm Y tế xã Kon Gang-Cơ sở 4 (Trung tâm y tế Đak Đoa)**														
		Cao đẳng Hộ sinh:1 chỉ tiêu														
1	0419	Nguyễn Thị Tuyết Thánh	Nữ	17/9/1996	Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng hộ sinh B97089	Không	Trạm Y tế xã Kon Gang-Cơ sở 4	Cao đẳng Hộ sinh trở lên	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	78,5				**78,5**
XXXII		**Trạm Y tế xã Đức Cơ - cơ sở 1 (Trung tâm y tế Đức Cơ)**														
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0322	Phạm Thị Thu Thủy	Nữ	09/4/1991	Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Dược B942041	Không	Trạm Y tế xã Đức Cơ - cơ sở 1	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	65,0				**65,0**
XXXIII		**Trạm Y tế xã Đức Cơ - cơ sở 2 (Trung tâm y tế Đức Cơ)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	0734	Rơ Lan H'Huệ	Nữ	09/12/2001	Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng A190806	Người dân tộc thiểu số	Trạm Y tế xã Đức Cơ - cơ sở 2	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	94,0		5		**99,0**
XXXIV		**Trạm Y tế xã Ia Dơk - cơ sở 2 (Trung tâm y tế Đức Cơ)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:2 chỉ tiêu														
1	0765	Nguyễn Thị Phương Hồng	Nữ	18/11/1992	DurKmăh, tỉnh Đak Lak	Cao đẳng điều dưỡng (B.971115)	Không	Trạm Y tế xã Ia Dơk - cơ sở 2	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	60,0				**60,0**
XXXV		**Trạm Y tế xã Ia Krêl (Trung tâm y tế Đức Cơ)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:3 chỉ tiêu														
1	0783	Trần Thị Hương	Nữ	08/8/1993	Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng YDC01032	Không	Trạm Y tế xã Ia Krêl	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	85,0				**85,0**
2	0651	Ksor H' Ayẽm	Nữ	05//5/2000	Ia Krêl, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng AF4631	Người dân tộc thiểu số	Trạm Y tế xã Ia Krêl	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	70,0		5		**75,0**
XXXVI		**Trạm Y tế xã Ia Nan (Trung tâm y tế Đức Cơ)**														
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0145	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	28/08/2002	Bình Hiệp, Gia Lai	Cao đẳng Dược (A001157)	Không	Trạm Y tế xã Ia Nan	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	80,0				**80,0**
XXXVII		**Trạm y tế xã Vạn Đức (Trạm y tế xã Ân Tín cũ) (Trung tâm y tế Hoài Ân)**														

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
		Cao đẳng chuyên ngành Dân số - Y tế: 1 chỉ tiêu														
1	1295	Nguyễn Thị Thu Vương	Nữ	02/08/1992	An Hoà, Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng (B1025520)	Không	Trạm y tế xã Vạn Đức (Trạm y tế xã Ân Tín cũ)	Cao đẳng chuyên ngành Dân số - Y tế hoặc Cao đẳng trở lên ở các chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	100,0				**100,0**
XXXVIII		**Trạm Y tế xã Ia Chia (Trung tâm y tế Ia Grai)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:2 chỉ tiêu														
1	0810	Hkuit Ksơr	Nữ	11/4/1993	Ia Chía, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng YDC00739	Người dân tộc thiểu số	Trạm Y tế xã Ia Chia	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	54,5		5		**59,5**
XXXIX		**Trạm Y tế xã Ia Grai-Cơ sở 2 (Trung tâm y tế Ia Grai)**														
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0321	Hoàng Thu Thủy	Nữ	15/9/1990	Ia Hrung, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Dược YDC02988	Không	Trạm Y tế xã Ia Grai-Cơ sở 2	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	89,0				**89,0**
XL		**Trạm Y tế xã Ia Grai-Cơ sở 3 (Trung tâm y tế Ia Grai)**														
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0136	Phạm Thị Bích Liên	Nữ	10/11/1999	Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Dược 000581	Không	Trạm Y tế xã Ia Grai-Cơ sở 3	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	58,0				**58,0**
XLI		**Trạm Y tế xã Ia Hrung (Trung tâm y tế Ia Grai)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:2 chỉ tiêu														
1	1101	Lê Thị Vi Xuyến	Nữ	23/6/1993	Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng (YDC 03053)	Không	Trạm Y tế xã Ia Hrung	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	99,0				**99,0**
2	0851	Vũ Thị Ngọc Mai	Nữ	20/4/2001	Ia Hrung, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng D490300203	Không	Trạm Y tế xã Ia Hrung	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	82,0				**82,0**
XLII		**Trạm Y tế xã Ia Hrung-Cơ sở 3 (Trung tâm y tế Ia Grai)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:2 chỉ tiêu														
1	1090	Võ Thị Hoài Vi	Nữ	02/3/2000	Ia Hrung, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng 26652	Không	Trạm Y tế xã Ia Hrung-Cơ sở 3	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	64,0				**64,0**
XLIII		**Trạm Y tế xã Ia Hrung-Cơ sở 4 (Trung tâm y tế Ia Grai)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:3 chỉ tiêu														
1	0767	Puih H'Prin	Nữ	28/02/1996	Ia Hrung, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng 600483	Người dân tộc thiểu số	Trạm Y tế xã Ia Hrung-Cơ sở 4	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	93,0		5		**98,0**
2	0961	Nguyễn Thị Sương	Nữ	10/10/1991	Ia Hrung, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng YDC00284	Không	Trạm Y tế xã Ia Hrung-Cơ sở 4	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	85,5				**85,5**
XLIV		**Trạm Y tế xã Ia Krái-Cơ sở 3 (Trung tâm y tế Ia Grai)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:2 chỉ tiêu														

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
1	0963	Hoàng Thị Thanh Tâm	Nữ	06/05/1994	An Phú, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng (TDU1000869)	Không	Trạm Y tế xã Ia Krái-Cơ sở 3	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	96,5				**96,5**
2	0721	Lê Mỹ Hạnh	Nữ	01/5/1992	Ia Krai, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng YDCD3041	Không	Trạm Y tế xã Ia Krái-Cơ sở 3	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	84,0				**84,0**
XLV		**Trạm Y tế xã Ia Pa (Trung tâm y tế Ia Pa)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:4 chỉ tiêu														
1	0967	Rmah H' Teh	Nữ	31/01/1993	Ia Pa, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng CD243	Người dân tộc thiểu số	Trạm Y tế xã Ia Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	81,5		5		**86,5**
2	0735	Nay H' Hiên	Nữ	24/12/1994	Ia Pa, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng A000823	Người dân tộc thiểu số	Trạm Y tế xã Ia Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	77,0		5		**82,0**
3	1026	Lê Thị Hồng Thúy	Nữ	06/8/1993	Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng YDC00850	Không	Trạm Y tế xã Ia Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	55,5				**55,5**
XLVI		**Trạm Y tế xã Ia Tul (Trung tâm y tế Ia Pa)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	1118	Rcom H' Yuôn	Nữ	20/7/1996	Ia Rbol, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng B649412	Người dân tộc thiểu số	Trạm Y tế xã Ia Tul	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	59,0		5		**64,0**
XLVII		**Trạm Y tế xã Pờ Tó (Trung tâm y tế Ia Pa)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	0666	Ksor Linh Chi	Nữ	09/4/2001	Ia Pa, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng 22A0803	Người dân tộc thiểu số	Trạm Y tế xã Pờ Tó	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	100,0		5		**105,0**
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0248	A Quy	Nam	05/9/1996	Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi	Cao đẳng Dược B1077991	Người dân tộc thiểu số	Trạm Y tế xã Pờ Tó	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	71,0		5		**76,0**
XLVIII		**Trạm y tế xã Đak Rong (Trung tâm Y tế Kbang)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:2 chỉ tiêu														
1	1042	Nguyễn Thị Trang	Nữ	06/02/1994	Kbang, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng B493666	Không	Trạm y tế xã Đak Rong	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	76,5				**76,5**
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0127	Sầm Thúy Kiều	Nữ	01/01/1999	Sơn Lang, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Dược YDC02230	Người dân tộc thiểu số	Trạm y tế xã Đak Rong	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	82,0		5		**87,0**
		Cao đẳng Hộ sinh:1 chỉ tiêu														
1	0412	Bùi Thị Thanh Hoa	Nữ	26/4/1996	Pleiku, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng hộ sinh 440/2017/CĐ	Không	Trạm y tế xã Đak Rong	Cao đẳng Hộ sinh trở lên	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	64,0				**64,0**
XLIX		**Trạm y tế xã Kbang (Trung tâm Y tế Kbang)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:2 chỉ tiêu														

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
1	0978	Đinh Thị Thảo	Nữ	26/6/1996	Vĩnh Sơn, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (B1025731)	Người dân tộc thiểu số	Trạm y tế xã Kbang	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	99,5		5		**104,5**
2	0647	Lê Thị Hải Anh	Nữ	27/6/1991	Kbang, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng A554715	Không	Trạm y tế xã Kbang	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	94,0				**94,0**
		Cao đẳng Dược:2 chỉ tiêu														
1	0003	Đàm Thị Lan Anh	Nữ	28/11/1996	Kbang, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Dược YDC001271	Không	Trạm y tế xã Kbang	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	50,0				**50,0**
		Đại học ngành Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	0580	Trịnh Thị Kim Phụng	Nữ	30/12/1996	Krong, tỉnh Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng 0002295	Không	Trạm y tế xã Kbang	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	56,0				**56,0**
		Đại học ngành Y tế công cộng:1 chỉ tiêu														
1	1537	Phạm Thị Ngọc Thương	Nữ	04/06/1996	Kbang, Gia Lai	Đại học Y tế công cộng (1643876)	Không	Trạm y tế xã Kbang	Đại học ngành Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	51,0				**51,0**
L		**Trạm y tế xã Kông Bơ La (Trung tâm Y tế Kbang)**														
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0221	Trương Thị Hồng Nhung	Nữ	16/8/1992	An Khê, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Dược PA001149	Không	Trạm y tế xã Kông Bơ La	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	81,0				**81,0**
LI		**Trạm y tế xã Chư Krey (Trung tâm Y tế Kông Chro)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:2 chỉ tiêu														
1	0924	Võ Thị Thanh Nương	Nữ	18/02/1993	Kông Chro, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (B262991)	Không	Trạm y tế xã Chư Krey	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	99,0				**99,0**
2	1062	Nguyễn Thị Tuyên	Nữ	11/5/1994	Kông Chro, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (B738112)	Không	Trạm y tế xã Chư Krey	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	86,0				**86,0**
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0158	Nguyễn Thị Ánh Ly	Nữ	01/07/1993	Chư Krey, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Dược PA001433	Không	Trạm y tế xã Chư Krey	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	65,0				**65,0**
LII		**Trạm y tế xã Kông Chro (Trung tâm Y tế Kông Chro)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:2 chỉ tiêu														
1	0716	Đinh Thị Thuý Hằng	Nữ	01/9/2001	Vĩnh Thịnh, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (A000597)	Người dân tộc thiểu số	Trạm y tế xã Kông Chro	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	84,0		5		**89,0**
LIII		**Trạm y tế xã Ya Ma (Trung tâm Y tế Kông Chro)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	0835	Văn Thị Loan	Nữ	12/4/1988	Ya Ma, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng B639862	Không	Trạm y tế xã Ya Ma	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	90,5				**90,5**
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0345	Nguyễn Hoài Y Trang	Nữ	04/12/1994	Vĩnh Thạnh, Gia Lai	Cao đẳng ngành dược (B649245)	Không	Trạm y tế xã Ya Ma	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	73,0				**73,0**
LIV		**Trạm Y tế Phú Túc (Cơ sở 3) (Trung tâm Y tế Krông Pa)**														
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
1	0334	Lê Nam Trâm	Nữ	08/08/2002	Sơn Hoà, Đắk Lắk	Cao đẳng Dược (A.001573)	Người dân tộc thiểu số	Trạm Y tế Phú Túc (Cơ sở 3)	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	64,0		5		**69,0**
LV		**Trạm Y tế xã Uar (trạm chính) (Trung tâm Y tế Krông Pa)**														
		Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học:1 chỉ tiêu														
1	1187	Ksor Thuât	Nam	15/01/1998	Phú Túc, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học TTN.CN.004523	Người dân tộc thiểu số	Trạm Y tế xã Uar (trạm chính)	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	71,5		5		**76,5**
LVI		**Trạm y tế xã Ayun (Trung tâm y tế Mang Yang)**														
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0323	Trần Thị Kim Thủy	Nữ	11/9/1995	Hội Phú, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Dược B890939	Không	Trạm y tế xã Ayun	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	50,0				**50,0**
LVII		**Trạm y tế xã Ayun - Cơ sở 2 (Trung tâm y tế Mang Yang)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:2 chỉ tiêu														
1	0828	Hoàng Diệu Linh	Nữ	06/4/1994	Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng B493637	Không	Trạm y tế xã Ayun - Cơ sở 2	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	61,0				**61,0**
LVIII		**Trạm y tế xã Lơ Pang - Cơ sở 2 (Trung tâm y tế Mang Yang)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	0929	Phâm	Nữ	01/01/2002	Lơ Pang, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng 600698	Người dân tộc thiểu số	Trạm y tế xã Lơ Pang - Cơ sở 2	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	61,0		5		**66,0**
LIX		**Trạm y tế xã Mang Yang - Cơ sở 4 (Trung tâm y tế Mang Yang)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	0706	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	21/01/1999	Thống Nhất, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng TN21-CĐ0000111	Không	Trạm y tế xã Mang Yang - Cơ sở 4	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	77,0				**77,0**
LX		**Trạm Y tế xã Cát Tiến (Trung tâm y tế Phù Cát)**														
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0398	Trương Công Vũ	Nam	07/3/1995	Đề Gi, Gia Lai	Đại học dược (PH01734)	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Trạm Y tế xã Cát Tiến	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	79,5		2,5		**82,0**
LXI		**Trạm Y tế xã Hội Sơn (Trung tâm y tế Phù Cát)**														
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0146	Nguyễn Thị Thảo Linh	Nữ	17/11/1997	Phù Cát, Gia Lai	Cao đẳng Dược (B916042)	Không	Trạm Y tế xã Hội Sơn	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	83,5				**83,5**
LXII		**Trạm y tế xã Phù Mỹ Tây (Trung tâm y tế Phù Mỹ)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	0701	Võ Thị Bích Duyên	Nữ	02/06/1994	Phù Mỹ Nam, Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng (B401269)	Không	Trạm y tế xã Phù Mỹ Tây	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	96,0				**96,0**
LXIII		**Trạm Y tế xã Chư A Thai - cơ sở 2 (Trung tâm Y tế Phú Thiện)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:2 chỉ tiêu														

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
1	0730	Nay H'Bé	Nữ	14/8/1991	Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng YDC00846	Người dân tộc thiểu số	Trạm Y tế xã Chư A Thai - cơ sở 2	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	84,5		5		**89,5**
2	0986	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	01/9/1994	Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B597407	Không	Trạm Y tế xã Chư A Thai - cơ sở 2	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	87,0				**87,0**
LXIV		**Trạm Y tế xã Chư A Thai - cơ sở 3 (Trung tâm Y tế Phú Thiện)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	0855	Siu H' Ming	Nữ	20/7/2003	Chư A Thai, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng 600951	Người dân tộc thiểu số	Trạm Y tế xã Chư A Thai - cơ sở 3	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	86,0		5		**91,0**
LXV		**Trạm Y tế xã Ia Hiao (Trung tâm Y tế Phú Thiện)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	0825	Phan Dương Liễu	Nữ	15/4/1990	Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng A432605	Không	Trạm Y tế xã Ia Hiao	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	99,5				**99,5**
LXVI		**Trạm Y tế xã Ia Hiao - cơ sở 2 (Trung tâm Y tế Phú Thiện)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	0956	Ksor H' Ruit	Nữ	16/01/1995	Ia Sao, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B688787	Người dân tộc thiểu số	Trạm Y tế xã Ia Hiao - cơ sở 2	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	75,0		5		**80,0**
LXVII		**Trạm Y tế xã Phú Thiện (Trung tâm Y tế Phú Thiện)**														
		Cao đẳng Dược:2 chỉ tiêu														
1	0147	Phạm Thị Thùy Linh	Nữ	08/3/2004	Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Cao đẳng Dược AA6231	Không	Trạm Y tế xã Phú Thiện	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	78,0				**78,0**
2	0128	Siu Klỡi	Nam	10/7/1995	Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Dược B688553	Người dân tộc thiểu số	Trạm Y tế xã Phú Thiện	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	51,5		5		**56,5**
		Cao đẳng Hộ sinh:1 chỉ tiêu														
1	0414	Kpă H'Thủy	Nữ	16/3/1995	Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Hộ sinh B934800	Người dân tộc thiểu số	Trạm Y tế xã Phú Thiện	Cao đẳng Hộ sinh trở lên	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	96,5		5		**101,5**
LXVIII		**Trạm Y tế xã Phú Thiện - cơ sở 2 (Trung tâm Y tế Phú Thiện)**														
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0344	Lê Thị Thu Trang	Nữ	05/5/1996	Ia Rsai, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Dược B890736	Không	Trạm Y tế xã Phú Thiện - cơ sở 2	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	85,0				**85,0**
LXIX		**Trạm Y tế xã Phú Thiện - cơ sở 4 (Trung tâm Y tế Phú Thiện)**														
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0279	Lê Thị Thảo	Nữ	12/11/1992	Phú Yên, Đắk Lắk	Cao đẳng ngành dược (A001852)	Không	Trạm Y tế xã Phú Thiện - cơ sở 4	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	69,5				**69,5**
LXX		**Trạm Y tế phường An Phú (Trung tâm Y tế Pleiku)**														
		Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học:1 chỉ tiêu														

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
1	1239	Vũ Thị Loan	Nữ	03/5/1991	Thống Nhất, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học YDC02951	Không	Trạm Y tế phường An Phú	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	95,5				**95,5**
LXXI		**Trạm Y tế phường An Phú-Cơ sở 3 (Trung tâm Y tế Pleiku)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	0918	Trần Thị Tuyết Nhung	Nữ	20/10/1991	Diên Hồng, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng A439163	Không	Trạm Y tế phường An Phú-Cơ sở 3	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	96,0				**96,0**
LXXII		**Trạm Y tế phường Diên Hồng - cơ sở 3 (Trung tâm Y tế Pleiku)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	0974	Nguyễn Thị Lệ Thanh	Nữ	16/12/1990	An Phú, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng 00197858	Không	Trạm Y tế phường Diên Hồng - cơ sở 3	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	94,0				**94,0**
LXXIII		**Trạm Y tế xã Biển Hồ (Trung tâm Y tế Pleiku)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:2 chỉ tiêu														
1	0991	Triệu Lâm Như Thảo	Nữ	03/5/1991	Thống Nhất, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng 20A1593	Người dân tộc thiểu số	Trạm Y tế xã Biển Hồ	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	80,0		5		**85,0**
2	0988	Phan Thị Thu Thảo	Nữ	28/8/1986	Thống Nhất, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng TN21-CĐ 0000003	Con thương binh	Trạm Y tế xã Biển Hồ	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	77,5		5		**82,5**
LXXIV		**Trạm Y tế xã Biển Hồ-Cơ sở 4 (Trung tâm Y tế Pleiku)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:2 chỉ tiêu														
1	1055	Huỳnh Thị Xuân Trung	Nữ	20/6/1979	Pleiku, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng YDC00860	Không	Trạm Y tế xã Biển Hồ-Cơ sở 4	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	99,5				**99,5**
2	0659	Huỳnh Thị Thu Bình	Nữ	02/11/1990	Biển Hồ, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng LQĐ.5.01829	Không	Trạm Y tế xã Biển Hồ-Cơ sở 4	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	81,5				**81,5**
LXXV		**Trạm Y tế xã Gào (Trung tâm Y tế Pleiku)**														
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														
1	0093	Nguyễn Thị Mỹ Hoa	Nữ	20/6/1987	Diên Hồng, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Dược A182902	Không	Trạm Y tế xã Gào	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	53,0				**53,0**
LXXVI		**Trạm Y tế xã Gào-Cơ sở 3 (Trung tâm Y tế Pleiku)**														
		Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng:1 chỉ tiêu														
1	1280	Phan Thị Hân	Nữ	02/10/1990	Đồng Dương, TP Đà Nẵng	Cao đẳng Kỹ thuật Phục hồi chức năng YDC02027	Không	Trạm Y tế xã Gào-Cơ sở 3	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	87,0				**87,0**
LXXVII		**Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông (Trung tâm y tế Quy Nhơn)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	0712	Nguyễn Thị Hà	Nữ	22/08/1995	Quy Nhơn Đông, Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng (B640221)	Không	Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	78,0				**78,0**
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu														

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm
1	0347	Nguyễn Thị Hồng Trang	Nữ	08/03/2000	Quy Nhơn Đông, Gia Lai	Đại học Dược (7302318)	Không	Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	83,0				**83,0**
LXXVIII		**Trạm Y tế phường Quy Nhơn (Trung tâm y tế Quy Nhơn)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	0993	Lê Anh Thi	Nữ	20/10/1991	An Phú, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng A181099	Không	Trạm Y tế phường Quy Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	98,5				**98,5**
		Đại học ngành Y tế công cộng :1 chỉ tiêu														
1	1539	Mai Thị Huyền Trang	Nữ	18/6/1993	Quy Nhơn Nam, Gia Lai	Đại học ngành y tế công cộng (1245562)	Không	Trạm Y tế phường Quy Nhơn	Đại học ngành Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	71,0				**71,0**
LXXIX		**Trạm y tế xã Bình An (Trung tâm y tế Tây Sơn)**														
		Cao đẳng dược:1 chỉ tiêu														
1	0157	Huỳnh Thị Ái Mỹ Ly Ly	Nữ	28/5/1990	An Nhơn, Gia Lai	Đại học dược (NTTDS.10205182)	Không	Trạm y tế xã Bình An	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	66,0				**66,0**
LXXX		**Trạm y tế xã Bình Khê (Trung tâm y tế Tây Sơn)**														
		Cao đẳng chuyên ngành Dân số - Y tế: 1 chỉ tiêu														
1	1293	Tô Thị Thanh Thảo	Nữ	08/10/1996	Vĩnh Quang, Gia Lai	Đại học Kế toán (0006196)	Không	Trạm y tế xã Bình Khê	Cao đẳng chuyên ngành Dân số - Y tế hoặc Cao đẳng trở lên ở các chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	100,0				**100,0**
LXXXI		**Trạm Y tế xã Bình Phú (Trung tâm y tế Tây Sơn)**														
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu														
1	0722	Lý Thị Kim Hạnh	Nữ	06/06/1993	Bình Phú, Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng (B401083)	Không	Trạm Y tế xã Bình Phú	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	100,0				**100,0**
LXXXII		**Trạm y tế xã Canh Vinh (Trung tâm y tế Vân Canh)**														
		Cao đẳng dược:1 chỉ tiêu														
1	0244	Nguyễn Thị Phượng	Nữ	22/02/1994	Canh Vinh, Gia Lai	Cao đẳng ngành dược (B38235)	Không	Trạm y tế xã Canh Vinh	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	78,0				**78,0**

Tổng danh sách: 452 thí sinh